



Số: ~~828~~ KVN-HTQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Biên bản và Nghị quyết Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.

Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV GAS)

Mã chứng khoán: GAS

Địa chỉ trụ sở chính: PV GAS TOWER, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 37816777. Fax: (08) 37815666 – 37815777.

Loại thông tin công bố: bất thường.

Nội dung thông tin công bố: **Biên bản và Nghị quyết của Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP.**

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PV GAS vào ngày 27/04/2018 tại website <http://www.pvgas.com.vn>, chuyên mục Quan hệ cổ đông/Tài liệu cổ đông/Nghị quyết, Quyết định, Biên bản họp năm 2018.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- UBCKNN (Vụ Quản lý Phát hành Chứng khoán);
- SGDK Tp HCM;
- HĐQT TCT (để báo cáo);
- TGD TCT (để báo cáo);
- PTGD P.Đ.Nam;
- Ban PTNL TCT;
- Lưu: VT, HTQT.

Tài liệu đính kèm:

- BB và NQ Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

**TUQ. TÔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Chu Thị Trung



Số: 74/NQ-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM-CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP số /BB-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP như sau:

1. Điều lệ Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (*chi tiết như tài liệu kèm theo*).
2. Quy chế quản trị Công ty của Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (*chi tiết như tài liệu kèm theo*).
3. Báo cáo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP: Giao Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP quyết định sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 với các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/ Kế hoạch
1	Khí ẩm	Tr.m3	9.666	9.840	102%
2	Khí tiêu thụ	Tr.m3	9.274	9.607	104%
3	Condensate tiêu thụ	Nghìn tấn	56	78	141%
4	LPG tiêu thụ (<i>Công ty mẹ</i>)	Nghìn tấn	1.050	1.344	128%
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	51.479	65.957	128%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6.297	12.588	200%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5.257	9.937	189%
8	Tỷ suất LNST/VĐL	%	27	52	-



9	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	2.231	5.459	245%
10	Vốn giải ngân ĐTXD (Công ty mẹ)	Tỷ đồng	3.782	2.171	57%
11	Tổng tài sản	Tỷ đồng	-	61.889	-
12	Tỷ lệ chia cổ tức	%	30		

5. Các chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018
I	Sản lượng		
1	Khí ẩm đưa vào bờ	Tr.M3	9.706
-	Cửu Long	Tr.M3	1.400
-	Nam Côn Sơn	Tr.M3	6.250
-	PM3 – Cà Mau	Tr.M3	1.936
-	Hàm Rồng – Thái Bình	Tr.M3	120
2	Khí sản xuất và tiêu thụ		
-	Khí khô	Tr.M3	9.259
-	Condensate	Tấn	63
-	LPG Công ty mẹ	Tấn	1.125
II	Tài chính		
1	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	55.726
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	52.473
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	8.036
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	7.898
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	6.429
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	6.318
4	Tỷ suất LNST/VĐL	%	33
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	40
6	Vốn điều lệ	Tỷ Đ	19.139
7	Nộp ngân sách	Tỷ Đ	2.927
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	2.853
III	Đầu tư xây dựng		
1	Tổng số dự án	DA	55
2	Tổng nhu cầu vốn giải ngân	Tỷ Đ	3.936
	Trong đó Công ty mẹ		3.281
IV	Lao động cuối kỳ	Người	3.938
-	Trong đó Công ty mẹ	Người	1.380

V	Đào tạo	Tỷ Đ	40
VI	Nghiên cứu khoa học	Tỷ Đ	10

Ghi chú: chỉ tiêu tài chính được lập theo giá dầu kế hoạch 50USD/thùng, tỷ giá 1USD=23.000VNĐ; sản lượng khí Thái Bình tạm đưa vào kế hoạch 120 triệu m3, sẽ điều chỉnh linh hoạt phù hợp diễn biến của giá dầu và tình hình thực tế.

6. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và Phương án phân phối lợi nhuận 2017:

Đvt: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện
1	Số dư Lợi nhuận chưa phân phối chuyển qua	2.093	2.093
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	5.152	9.670
3	Trích các quỹ	454	2.589
-	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	254	2.351(*)
-	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban QLĐH</i>	200	238
4	Chia cổ tức năm 2017 cho cổ đông	5.740	7.656
		(30% VDL)	(40% VDL)
5	Lợi nhuận còn lại chuyển qua 2018	1.051	1.518

(*) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tự cân đối và quyết định trích quỹ đầu tư phát triển năm 2017 nhưng tối đa không quá 2.351 tỷ đồng.

7. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:

Đvt: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018 (công ty mẹ)
1	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển qua	1.518
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	6.318
3	Trích các quỹ	180
-	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban QLĐH</i>	180
4	Chia cổ tức năm 2018 (40% VDL)	7.656
5	Tổng lợi nhuận chưa phân phối chuyển qua 2019	0

8. Ủy quyền cho HĐQT tự cân đối và quyết định:

- Điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi giá dầu để tính toán kế hoạch năm 2018 hoặc theo giá dầu thực tế hoặc khi có sự thay đổi liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng;
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2017 nhưng tối đa không quá 2.351 tỷ đồng.

mu

9. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017, phương hướng hoạt động năm 2018 (chi tiết như tài liệu kèm theo).
10. Báo cáo đầu tư Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn giai đoạn 2.
11. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2017, phương hướng hoạt động năm 2018 và lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2018 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (chi tiết như tài liệu kèm theo).
12. Báo cáo thực hiện tiền lương và thu nhập năm 2017 và kế hoạch tiền lương và thu nhập năm 2018 của HĐQT, BKS.
 - Dự kiến thực hiện năm 2017 (trước thuế): 9.334.330.054 đồng.
 - Kế hoạch năm 2018: Thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước (Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước) và quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
13. Danh sách thành viên độc lập HĐQT:
 - Ông Nguyễn Anh Tuấn: sinh ngày 07/5/1974, trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Kỹ sư chuyên ngành Vi khí hậu và Môi trường Xây dựng.
 - Ông Đỗ Đông Nguyên: sinh ngày 24/3/1975, trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Hóa dầu, Kỹ sư công nghệ hóa.

Điều 2. Nghị quyết này được lập thành 4 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Bộ máy điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.



TM. ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Như Linh

ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM -
CÔNG TY CỔ PHẦN

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	7
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông	7
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 9. Thu hồi cổ phần	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Đại diện theo ủy quyền	13
Điều 16. Thay đổi các quyền	14
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	22
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	24
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	24
Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	27
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	28
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	28
Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp	28
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	28
Điều 34. Thư ký Tổng công ty	29
IX. BAN KIỂM SOÁT	30
Điều 35. Kiểm soát viên	30

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	31
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	31
Điều 37. Trách nhiệm cân trọng.....	31
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	33
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	33
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	33
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	34
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn	34
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	34
Điều 42. Phân phối lợi nhuận.....	34
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	35
Điều 43. Tài khoản ngân hàng	35
Điều 44. Năm tài chính	35
Điều 45. Chế độ kế toán.....	35
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	35
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	35
Điều 47. Báo cáo thường niên.....	36
Điều 48. Công bố thông tin định kỳ.....	36
Điều 49. Công bố thông tin bất thường.....	37
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY.....	37
Điều 50. Kiểm toán	37
XVII. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT 38	
Điều 51. Quan hệ giữa Tổng công ty với Công ty con, Công ty liên kết, công ty tự nguyện liên kết	38
XVIII. CON DẤU	38
Điều 52. Con dấu.....	38
XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	38
Điều 53. Chấm dứt hoạt động	38
Điều 54. Thanh lý.....	39
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	39
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	39
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	40
Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	40
XXII. NGÀY HIỆU LỰC	40
Điều 57. Ngày hiệu lực	40
Điều 58. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.....	40

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2018. Điều lệ này sẽ chi phối và điều chỉnh mọi hoạt động của Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “Tổng công ty” là Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.
 - b. “Tập đoàn” là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
 - c. “Đại hội đồng cổ đông” là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.
 - d. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - e. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - f. “Luật chứng khoán” là Luật Chứng khoán của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - g. "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
 - h. “Người quản lý doanh nghiệp”: là người được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - i. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 - j. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
 - k. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.
 - l. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Tổng công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
 - m. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - n. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - o. “Ngày” là ngày theo lịch, bao gồm thời hạn được tính theo lịch chính thức do Nhà nước Việt Nam phát hành (dương lịch), bao gồm cả ngày nghỉ (thứ 7, chủ nhật, ngày Lễ, ngày Tết).
 - p. “Ngày làm việc” là “ngày” không bao gồm những ngày nghỉ.
 - q. “Đa số” là trên 50%.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. **Tên hợp pháp của Tổng công ty bằng tiếng Việt là:**
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
Tên tiếng Anh là: PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION
Tên giao dịch là : PETROVIETNAM GAS
Tên viết tắt là: PV GAS
2. **Hình thức:**
 - a. Tổng Công ty được thành lập bằng hình thức chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - b. Tổng công ty có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật Việt Nam; có con dấu riêng, độc lập về tài sản, tự chủ về tài chính, được mở tài khoản trong nước và nước ngoài theo quy định của Pháp luật; có Điều lệ Tổng công ty.
3. **Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:**

Địa chỉ : Tòa nhà PV GAS TOWER, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 37816777

Fax : (028) 37815666 - 37815777

E-mail : pvgas@pvgas.com.vn

Website : www.pvgas.com.vn
4. **Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty:**
Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.
5. **Các chi nhánh và đơn vị trực thuộc:**
Tổng công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc khác tại lãnh thổ Việt Nam hoặc nước ngoài để thực hiện các mục tiêu của Tổng công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Luật pháp cho phép.
Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Chi nhánh, Văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty được quy định trong Quy chế Tổ chức hoạt động do Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt.
6. **Thời hạn hoạt động:** Là vô hạn kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần đầu trừ trường hợp quy định tại Điều 52 Điều lệ này.

7. Tổng công ty với tư cách là công ty mẹ sẽ tham gia thành lập, mua cổ phần và góp vốn vào các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
8. **Logo của Tổng công ty:**



III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty:
 - Thu gom, vận chuyển, tàng trữ, chế biến khí và sản phẩm khí;
 - Tổ chức phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí khô, LNG, CNG, LPG, Condensate vv; nạp LPG vào chai, xe bồn; kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí; kinh doanh dịch vụ cảng, kho, bãi.v.v.;
 - Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng đồng bộ, thống nhất trong toàn Tổng công ty từ khâu nguồn cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ trên phạm vi cả nước và ở nước ngoài;
 - Tiêu thụ LPG từ các nhà máy lọc hóa dầu và các nguồn khác của Tập đoàn;
 - Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình khí;
 - Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí;
 - Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông, lâm, ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí; dịch vụ vận tải của các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí;
 - Xuất, nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, khí lỏng, Condensate;
 - Nhập khẩu vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí;
 - Tham gia đầu tư các dự án khí thượng nguồn nhằm tăng tính chủ động và hiệu quả cho hoạt động chế biến và kinh doanh sản phẩm khí;
 - Đầu tư tài chính vào các công ty bên ngoài;
 - Đầu tư mua, bán, chuyển nhượng, đàm phán, ký các hợp đồng, dự án, tài sản, công trình khí;
 - Mua các công ty khí quốc tế khác để trở thành công ty thành viên của Tổng công ty; bán các công ty con khi cần thiết;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện, công trình khí hoặc liên quan đến khí;
 - Các ngành nghề khác mà Pháp luật không cấm và phù hợp với định hướng, điều phối của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty:

Tổng công ty được thành lập để huy động và sử dụng các nguồn lực trong việc phát triển sản xuất - kinh doanh và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu tạo ra lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

Phát triển Tổng Công ty vững mạnh, an toàn, chất lượng, hiệu quả, hiện đại, phạm vi hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu; hoạt động đa ngành; đóng vai trò chủ đạo trong công nghiệp khí trên toàn quốc và phát triển ra thị trường quốc tế.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.
2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Tổng công ty tham gia thành lập, mua cổ phần và góp vốn với tư cách là công ty mẹ vào các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần khác có quan hệ gắn bó, lâu dài với Tổng công ty về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường của Tổng công ty cũng như các hoạt động kinh doanh khác.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là: 19.139.500.000.000 đồng (Mười chín ngàn, một trăm ba mươi chín tỷ, năm trăm triệu đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 1.913.950.000 (Một tỷ chín trăm mười ba triệu chín trăm năm mươi ngàn) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười ngàn đồng/cổ phần).
2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Tất cả các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.
4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Tổng công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Tổng công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị Tổng công ty cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra được bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty.

Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
- b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi gửi đề nghị cấp cổ phiếu mới, Tổng công ty có thể đề nghị chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Tổng công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp yêu cầu trong các thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo mức lãi suất cho vay cao nhất của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.
2. Cổ đông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông t và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả các nghĩa vụ nợ với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 2 Điều 25 và Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e. Các quyền khác của cổ đông được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế nội bộ của Tổng công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác trực tiếp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự cuộc họp để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người điều hành doanh nghiệp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13.

- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 11 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên.
 - e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty;
 - f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm; Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - h. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
 - i. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty;

- j. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty đã được kiểm toán;
 - k. Tổng công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - l. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - m. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Tổng công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;
 - b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - c. Các vấn đề khác theo thẩm quyền.
 4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điểm 1, Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
 5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 của Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười lăm (15) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình họp, nội dung họp
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực các nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, đại chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết kể cả cổ đông bỏ phiếu từ xa (nếu có).
- 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có

thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết kể cả cổ đông bỏ phiếu từ xa (nếu có).

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu người có thể làm chủ tọa thì Trường ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
6. Chủ tọa có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu thấy rằng a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội, b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa của Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Chủ tọa có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc đề đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.
9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
12. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - b. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo gần nhất của Tổng công ty;
 - c. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
 - d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
2. Nghị quyết liên quan đến việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thông qua theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.”

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải bảo đảm gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, đại chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử, nội dung phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên website của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết/quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Trường hợp Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 5 (năm) thành viên và tối đa là 7 (bảy) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được tính từ ngày từ ngày việc bầu có hiệu lực. Căn cứ vào tình hình thực tế, Tổng công ty bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo tỷ lệ và điều kiện phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 25% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 55% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 55% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% đến dưới 85% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; và từ 85% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, thường trú tại Việt Nam, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Có trình độ học vấn, có năng lực, kinh nghiệm về tổ chức quản trị Doanh nghiệp.
 - c. Có hiểu biết Luật pháp.
 - d. Có nhiều kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty.
 - e. Có sức khoẻ, phẩm chất, đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.
 - f. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
4. Tiêu chuẩn thành viên độc lập Hội đồng quản trị: Ngoài các quy định về tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Điều lệ này, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Tổng công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật Nhà nước.
7. Việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và Người điều hành khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược, kế hoạch dài hạn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng quản trị Tổng công ty;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành doanh nghiệp đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty;
 - l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Tổng công ty;

- b. Thành lập các công ty con của Tổng công ty; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người đại diện phần vốn, đại diện chủ sở hữu của Tổng công ty tại các công ty con; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc giới thiệu để bổ nhiệm, đề nghị miễn nhiệm, cách chức đối với cán bộ cấp Chủ tịch và Thành viên Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc của các công ty con;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Tổng công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Tổng công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc Tổng công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính và báo cáo tài chính năm. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo tài chính năm cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị.
 6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành doanh nghiệp đại diện xử lý công việc theo quy định của pháp luật hiện hành.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
 8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.
 9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành trong bộ máy điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực

hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
11. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.
 - b. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
12. Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 159, 160 Luật Doanh nghiệp.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị và một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của mình vì lý do nào đó thì Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (5) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
 - b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Ban kiểm soát.
3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.
5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được đăng ký tại Tổng công ty.
7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Biểu quyết.
 - a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 8 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 8 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới chủ tọa cuộc họp

quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 37 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó thì thành viên đó không được biểu quyết.
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
9. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
10. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
- Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
- Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
13. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

14. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
15. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Chức năng nhiệm vụ, số lượng thành viên của tiểu ban và Trưởng tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị. Việc thành lập tiểu ban phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Tổng công ty.

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị của Tổng công ty một cách hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không quá năm năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiêm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông.
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo quy định.
 - c. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp.
 - d. Tham dự các cuộc họp.
Tư vấn thủ tục lập Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định.
 - e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên.
 - f. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị việc công bố thông tin của Tổng công ty.
 - g. Bảo mật thông tin theo quy định của Pháp luật và điều lệ Tổng công ty.
 - h. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
4. HĐQT có thể bãi miễn Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần thiết nhưng không được trái với các quy định hiện hành về Luật lao động. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn

nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật về chứng khoán.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Tổng công ty có Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mãn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng đối với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng lao động trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (5) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và Người điều hành doanh nghiệp khác mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác đối với Người điều hành khác để Hội đồng quản trị quyết định;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh

khác không do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

- e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.
 - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;
 - g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;
 - h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
 5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 34. Thư ký Tổng công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký Tổng công ty để hỗ trợ hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;
4. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và không thuộc trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và làm việc chuyên trách tại Tổng công ty. Trưởng ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Tổng công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên của Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
6. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
7. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành công việc và nhiệm vụ được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Tổng công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Tổng công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Tổng công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Tổng công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của Tổng công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
 - i. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty; và
 - j. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.
 - k. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên

các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Tổng công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Tổng công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành doanh nghiệp hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành doanh nghiệp hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang là một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;
 - b. Tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của

pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức từ lợi nhuận được giữ lại hàng năm của Tổng công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.
3. Tổng công ty không thanh toán cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
3. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyên đổi trong trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Tổng công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải gửi báo cáo tài chính năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Tổng công ty, tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 48. Công bố thông tin định kỳ

1. Tổng công ty phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây:
 - a. Thông tin cơ bản về Tổng công ty và Điều lệ Tổng công ty;
 - b. Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm;
 - c. Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập;
 - d. Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập;
 - e. Nội dung công bố thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản này bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất;
Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và 03 năm gần nhất tính đến năm báo cáo;
 - f. Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác;
 - g. Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức Tổng công ty.
2. Báo cáo thực trạng quản trị Tổng công ty bao gồm các thông tin sau đây:
 - a. Thông tin về cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu;
 - b. Thông tin về người quản lý Tổng công ty, bao gồm trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức được bổ nhiệm, công việc quản lý được giao, mức tiền lương, thưởng, cách thức trả tiền lương và các lợi ích khác; những người có liên quan và ích lợi có liên quan của họ với công ty; bản tự kiểm điểm, đánh giá hằng năm của họ trên cương vị là người quản lý công ty;
 - c. Các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu; các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị Tổng công ty;
 - d. Thông tin về Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và hoạt động của họ;
 - e. Thông tin về Đại hội người lao động; số lượng lao động bình quân năm và tại thời điểm báo cáo, tiền lương và lợi ích khác bình quân năm trên người lao động;
 - f. Báo cáo kết luận của cơ quan thanh tra (nếu có) và các báo cáo của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên;

- g. Thông tin về các bên có liên quan của Tổng công ty, giao dịch của Tổng công ty với bên có liên quan;
 - h. Các thông tin khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.
3. Thông tin được báo cáo và công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.
4. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.
5. Và các quy định khác theo quy định về công bố thông tin .

Điều 49. Công bố thông tin bất thường

1. Tổng công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử và ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của Tổng công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn theo quy định về công bố thông tin khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- a. Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
 - b. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến kinh doanh của Tổng công ty;
 - c. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bất kỳ giấy phép, giấy chứng nhận khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp;
 - d. Thay đổi người quản lý Tổng công ty, gồm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Kế toán trưởng;
 - e. Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với một trong số các người quản lý doanh nghiệp;
 - f. Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp;
 - g. Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập, hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;
 - h. Có quyết định, thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.

2. Và các quy định khác theo quy định về công bố thông tin.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty Kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội

đồng quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Tổng công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 51. Quan hệ giữa Tổng công ty với Công ty con, Công ty liên kết, công ty tự nguyện liên kết

1. Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với công ty con, công ty liên kết, tự nguyện tham gia liên kết theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, điều lệ của các công ty đó và các quy định khác có liên quan. Quan hệ của Tổng Công ty với công ty con, công ty liên kết được thực hiện thông qua các thoả thuận về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và các thoả thuận khác.
2. Công ty tự nguyện liên kết chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Tổng Công ty và các đơn vị thành viên khác theo thoả thuận liên kết giữa Công ty đó với Tổng Công ty.

XVIII. CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:
 - a. Tên doanh nghiệp;
 - b. Mã số doanh nghiệp.
2. Trước khi sử dụng, TCT phải thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thoả thuận về việc sử dụng dấu.

XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Tổng công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Tổng công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (3) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Tổng công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành doanh nghiệp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (6) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 58 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

Điều 58. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC

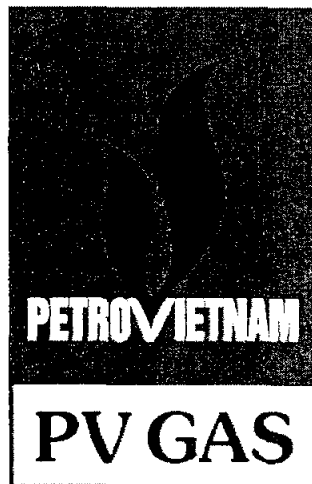


Dương Mạnh Sơn

Handwritten mark

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 74 /NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2018)



Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4/2018

mu

MỤC LỤC

QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh	4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	4
Điều 3. Nguyên tắc quản trị của Tổng công ty	5
CHƯƠNG II	5
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 4. Chuẩn bị cuộc họp ĐHĐCĐ	5
Điều 5. Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ.....	6
Điều 6. Cách thức phân đối quyết định của ĐHCĐ.....	10
Điều 7. ĐHĐCĐ bất thường	10
Điều 8. Nghị quyết ĐHĐCĐ.....	12
Điều 9. Báo cáo của HĐQT và BKS tại ĐHĐCĐ	12
CHƯƠNG III.....	13
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 10. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT.....	13
Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT	13
Điều 12. Tư cách thành viên HĐQT	14
Điều 13. Cách thức bầu thành viên HĐQT	14
Điều 14. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT	14
Điều 15. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	15
Điều 16. Thông báo họp HĐQT	15
Điều 17. Điều kiện tổ chức họp HĐQT	15
Điều 18. Cách thức biểu quyết.....	16
Điều 19. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT	16
Điều 20. Ghi biên bản họp HĐQT	16
Điều 21. Thông báo nghị quyết HĐQT	16
Điều 22. Các tiểu ban thuộc HĐQT	16
Điều 23. Người phụ trách quản trị Tổng công ty.....	17
Điều 24. Thư ký Tổng công ty.....	17
CHƯƠNG IV.....	17
KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT	17
Điều 25. Thành phần và yêu cầu đối với KSV	17
Điều 26. Tư cách KSV.....	18
Điều 27. Ứng cử, đề cử người vào vị trí KSV	18
Điều 28. Cách thức bầu KSV.....	18
Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV	18

Điều 30.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV.....	19
CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		19
Điều 31.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	19
Điều 32.	Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp.....	19
Điều 33.	Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp.....	20
Điều 34.	Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc và người điều hành khác	20
Điều 35.	Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	20
Điều 36.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	21
CHƯƠNG VI.....		21
PHỐI HỢP GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BKS		21
VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC		21
Điều 37.	Nguyên tắc phối hợp, làm việc.....	21
Điều 38.	Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS.....	21
Điều 39.	Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với Tổng giám đốc	22
Điều 40.	Mối quan hệ làm việc giữa BKS với Tổng giám đốc.....	22
Điều 41.	Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác	23
CHƯƠNG VII		24
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT		24
Điều 42.	Đánh giá hoạt động	24
Điều 43.	Khen thưởng.....	24
Điều 44.	Kỷ luật	24
CHƯƠNG VIII.....		25
CÔNG BỐ THÔNG TIN – MINH BẠCH VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN		25
Điều 45.	Nguyên tắc về công bố thông tin.....	25
Điều 46.	Thông tin bí mật.....	25
Điều 47.	Thông tin nội bộ và giao dịch nội bộ	25
Điều 48.	Tổ chức công bố thông tin, quản lý thông tin và tính minh bạch.....	26
Điều 49.	Các nội dung công bố thông tin	26
Điều 50.	Công bố thông tin về các cổ đông lớn.....	28
Điều 51.	Bảo mật thông tin	28
CHƯƠNG IX.....		28
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....		28
Điều 52.	Tổ chức thực hiện.....	28
Điều 53.	Hiệu lực thi hành.....	29

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế quản trị Tổng công ty (“Quy Chế”) được xây dựng và ban hành theo yêu cầu của pháp luật về quản trị công ty cổ phần niêm yết theo quy định Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ Tổng công ty, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
2. Để thực thi một chính sách rõ ràng về Quản trị công ty và đảm bảo sự phát triển bền vững và minh bạch của Tổng công ty, Quy Chế này quy định (i) những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; (ii) thẩm quyền, nghĩa vụ và quy trình, phương thức hoạt động của các cán bộ quản lý, điều hành trong Tổng công ty và (iii) quy định các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Người quản lý, BKS và Người điều hành khi tham gia vào quá trình quản trị của Tổng công ty. Đồng thời, Quy Chế là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị tại Tổng công ty.
3. Quy Chế được áp dụng đối với Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần. Khuyến khích việc áp dụng các nội dung phù hợp của Quy chế này đối với các Công ty con của Tổng công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những chữ viết tắt/từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Tổng công ty”: là Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần;
 - b. “ĐHĐCĐ”: là Đại hội đồng cổ đông
 - c. “HĐQT”: là Hội đồng quản trị Tổng công ty
 - d. “BKS”: là Ban Kiểm soát Tổng công ty
 - e. “KSV”: là Kiểm soát viên
 - f. “Quản trị Tổng công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Tổng công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Tổng công ty.
 - g. Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
 - h. Luật Chứng khoán: Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006.
 - i. “Cổ đông lớn”: là cổ đông được quy định tại khoản 9, điều 6 Luật Chứng khoán
 - j. “Người quản lý doanh nghiệp”: được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - k. “Người điều hành Doanh nghiệp”: là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác theo quyết định của HĐQT;
 - l. “Thành viên HĐQT không điều hành”: là Thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
 - m. “Thành viên độc lập HĐQT”: là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp.
 - n. “Người phụ trách quản trị Tổng công ty”: là Người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 26/6/2017
 - o. “Người có liên quan”: là cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị của Tổng công ty

Nguyên tắc Quản trị của Tổng công ty bao gồm:

- Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật ;
- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của các bên có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Tổng công ty;
- HĐQT định hướng và giám sát; BKS kiểm soát Tổng công ty hiệu quả.

CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Chuẩn bị cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Trình tự, thủ tục tổ chức và triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được quy định tại Điều 17 của Điều lệ Tổng công ty. Tổng công ty sẽ công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ của Tổng công ty. HĐQT chịu trách nhiệm triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm họp thích hợp trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Thẩm quyền của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 14 của Điều lệ Tổng công ty.
3. Các bước chuẩn bị cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
Quy định về việc triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo mời họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 17 của Điều lệ Tổng công ty, cụ thể các bước chuẩn bị họp ĐHĐCĐ thường niên như sau:
 - a. *Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ*
Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho công ty niêm yết.
 - b. *Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ*
Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, KSV;
 - Phiếu biểu quyết;
 - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
 - c. *Thông qua chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ*

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Khoản 4 Điều 17 của Điều lệ có quyền kiến nghị đưa các vấn đề vào nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ.
- Việc kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty theo quy định tại Khoản 4 Điều 17 Điều lệ của Tổng công ty. Văn bản kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ phải bao gồm các thông tin sau:
 - + Tên cổ đông;
 - + Số lượng, loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ;
 - + Số và ngày đăng ký cổ đông tại Tổng công ty;
 - + Vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - + Chữ ký của cổ đông;
 - + Lý do đưa ra kiến nghị, nếu người ký văn bản kiến nghị là đại diện của cổ đông phải gửi kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ.
- HĐQT có quyền từ chối các kiến nghị của cổ đông trong các trường hợp được quy định tại Khoản 5 Điều 17 Điều lệ. Ngoài ra, HĐQT cũng có quyền từ chối kiến nghị của cổ đông nếu kiến nghị đó không tuân thủ quy định pháp luật.
- HĐQT sẽ đưa các vấn đề do cổ đông kiến nghị hợp lệ (không bị từ chối) vào thành các nội dung riêng biệt trong chương trình họp ĐHĐCĐ.
- HĐQT sẽ thông báo cho cổ đông các quyết định từ chối kiến nghị của cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ cùng lý do từ chối kiến nghị này. HĐQT cũng có thể gửi văn bản từ chối kiến nghị cùng lý do từ chối.
- Các vấn đề sẽ được đưa vào chương trình họp bao gồm:
 - + Thông qua mức cổ tức của từng loại cổ phần;
 - + Thông qua báo cáo thường niên và các báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty;
 - + Thông qua Báo cáo của HĐQT và Báo cáo của BKS;
 - + Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ

d. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ

HĐQT phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho những vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 6 Điều 17 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 5. Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ

Trình tự, thủ tục và các điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ thường niên được quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ Tổng công ty. Ngoài ra, các bước tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ cụ thể được quy định bổ sung như sau:

1. Đăng ký dự họp ĐHĐCĐ

Việc đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại Khoản 1,2,3 Điều 19 của Điều lệ Tổng công ty, cụ thể như sau:

- Thư ký Tổng công ty hoặc một bộ phận/cá nhân được HĐQT chỉ định có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký dự họp ĐHĐCĐ.
- Việc đăng ký dự họp ĐHĐCĐ bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp ĐHĐCĐ bắt đầu một cách hợp lệ.
- Trong trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện.
- Trong trường hợp Thông báo có kèm phiếu biểu quyết, cổ đông được xem là có tham dự cuộc họp trong trường hợp đã gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến HĐQT chậm nhất 1 ngày trước khi khai mạc cuộc họp.

- Việc kiểm tra tư cách đại biểu được quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty. Các giấy tờ cần được mang tới cuộc họp, xuất trình và kiểm tra khi đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được ghi rõ trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ, bao gồm: chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc bản sao giấy đăng ký kinh doanh, thư mời và giấy ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền). Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. *Kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu*
- Thư ký Tổng công ty hoặc một bộ phận/cá nhân được HĐQT chỉ định có trách nhiệm kiểm tra và thông báo số lượng đại biểu dự cuộc họp thỏa mãn tỷ lệ tham dự tối thiểu theo quy định. Tỷ lệ này phải được Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ công bố ngay sau khi kết thúc việc đăng ký cổ đông dự họp và trước khi cổ đông thực hiện biểu quyết.
3. *Khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ*
- Khi đạt đủ số lượng thành viên dự họp tối thiểu được quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Chủ tịch HĐQT tuyên bố khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.
 - Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại Khoản 4 Điều 19 của Điều lệ Tổng công ty. Trong trường hợp bầu Chủ tọa (khi vắng mặt Chủ tịch HĐQT), tên các ứng viên được đề cử và số phiếu bầu sẽ được công bố và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.
 - Chủ tọa ĐHĐCĐ đề cử một thư ký để ghi biên bản họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Điều lệ Tổng công ty.
4. *Bầu Ban kiểm phiếu*
- Chủ tọa sẽ yêu cầu ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu tại mỗi cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định.
 - Điều kiện của các thành viên Ban kiểm phiếu bao gồm:
 - + Một trong số các thành viên Ban kiểm phiếu là người có hiểu biết về các quy định của pháp luật, có thể là nhân viên thuộc bộ phận Pháp lý của Tổng công ty.
 - + Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên HĐQT hoặc ứng cử viên thành viên HĐQT;
 - + Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên Ban Tổng giám đốc và ứng viên Ban Tổng giám đốc;
 - + Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là những người có liên quan với những đối tượng trên;
 - + Thành viên Ban kiểm phiếu nên là người có kinh nghiệm về công tác biểu quyết, bầu cử.
 - Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu sau khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ. Báo cáo này sẽ được cung cấp cho các cổ đông thông qua trang thông tin điện tử của Tổng công ty và bằng bản in tại văn phòng trụ sở chính của Tổng công ty. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này sẽ được đưa vào phụ lục của báo cáo.
 - Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có thể cử người hoặc bộ phận chịu trách nhiệm giám sát quá trình kiểm phiếu.
 - Người được chỉ định giám sát quá trình kiểm phiếu có quyền:
 - + Ngăn chặn mọi hành vi vi phạm quy chế bầu cử.
 - + Báo cáo cho Chủ tọa ĐHĐCĐ về những dấu hiệu bất thường trong quá trình kiểm phiếu, nếu có.

- Trường Ban kiểm phiếu có quyền quyết định về số lượng cụ thể hoặc bổ sung, thay thế nhân sự của Bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu trong công tác tổ chức biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

5. Khách mời tham dự cuộc họp

Kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến về các vấn đề kiểm toán và các vấn đề liên quan đến việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Ngoài ra, HĐQT Tổng công ty có thể mời chủ nợ, các nhà đầu tư tiềm năng, cán bộ công nhân viên, các quan chức chính phủ, nhà báo, các chuyên gia và các cá nhân và tổ chức khác không sở hữu cổ phần của Tổng công ty tới tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ bằng quyết định về khách mời của HĐQT khi triệu tập ĐHĐCĐ.

6. Công bố chương trình và thể lệ cuộc họp

- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ trình bày nội dung chương trình họp tới các đại biểu. Đồng thời, Chủ tọa sẽ giải thích trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ Tổng công ty. Nội dung chương trình họp phải xác định chi tiết và thời gian thảo luận cho từng vấn đề. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp.
- Đối với trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ thì quyết định của Chủ tọa mang tính phán quyết cao nhất theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ Tổng công ty.

7. Thảo luận các vấn đề trong chương trình nghị sự

Việc thảo luận các vấn đề trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

- Tạo cơ hội cho cổ đông (i) đặt câu hỏi với thành viên HĐQT, KSV, Kiểm toán độc lập và nhận được các câu trả lời rõ ràng (ii) có thể đưa ra quyết định trên cơ sở những thông tin đầy đủ và không thiên lệch đối với tất cả các vấn đề được đưa ra trong cuộc họp.
- Các câu hỏi do cổ đông đặt ra cần được trả lời ngay. Nếu một câu hỏi nào đó không được trả lời ngay, Tổng công ty cần có văn bản trả lời ngay sau cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Kiểm toán viên độc lập, thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc và các Tiểu ban của HĐQT (nếu có) cùng với thành viên Ban điều hành Tổng công ty cần phải có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Trong trường hợp vắng mặt, Chủ tọa của ĐHĐCĐ cần giải thích nguyên nhân vắng mặt của họ.
- Những người quản lý của Tổng công ty, bao gồm cả Trưởng các Tiểu ban trực thuộc HĐQT cần được phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ, khi có yêu cầu.
- Chủ tọa ĐHĐCĐ chỉ được phép ngắt lời người trình bày để đảm bảo trình tự hoặc tuân thủ đúng với các yêu cầu về thủ tục của cuộc họp.

8. Cách thức biểu quyết

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề

ng nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

9. Kiểm phiếu và ghi lại kết quả biểu quyết

- Ban kiểm phiếu tổ chức việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - + Các vấn đề đã được thông qua;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Ban kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

10. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu rõ số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

11. Bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ

Chủ tọa họp ĐHĐCĐ tuyên bố bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ sau khi: (i) Tất cả các vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết và (ii) Kết quả biểu quyết đã được công bố.

12. Lưu phiếu biểu quyết

Sau khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ, Ban kiểm phiếu phải đảm bảo rằng tất cả các thẻ biểu quyết và các văn bản hướng dẫn biểu quyết đều được đóng dấu và bỏ vào hòm phiếu. Toàn bộ tài liệu sẽ được Thư ký Tổng công ty lưu theo chế độ bảo mật theo Quy định về lưu trữ của Tổng công ty.

13. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

- Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - + Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - + Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - + Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - + Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - + Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - + Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - + Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 - Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
 - Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
 - Biên bản họp ĐHĐCĐ và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 6. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
 - Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.
2. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 7. ĐHĐCĐ bất thường

Trình tự, điều kiện và trách nhiệm triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường được quy định tại Điều 13 của Điều lệ. Ngoài ra, các quy định cụ thể như sau:

1. *Trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ bất thường*
 - Trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ bất thường, bao gồm thẩm quyền, thời gian triệu tập được quy định tại Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ Tổng công ty;
 - Trường hợp HĐQT hoặc BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT và Trường BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng công ty;
 - HĐQT có quyền từ chối đề nghị triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - + Yêu cầu họp ĐHĐCĐ bất thường không phù hợp với quy định của pháp luật;
 - + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu không sở hữu hoặc đại diện cho tỷ lệ phiếu biểu quyết theo yêu cầu (ít nhất là 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đối với vấn đề được yêu cầu đưa ra thảo luận và thông qua tại ĐHĐCĐ) trong thời hạn liên tục sáu (06) tháng;
 - + Vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ bất thường.
 - Nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ bất thường sẽ có nội dung khác nhau liên quan tới mục đích cụ thể của việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường.

2. *Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ*

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 21 Điều lệ Tổng công ty, cụ thể như sau:

 - HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.
 - HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.
 - Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Mục đích lấy ý kiến;
 - + Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - + Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.
 - Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

- Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:
 - + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - + Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - + Các vấn đề đã được thông qua;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
- Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 8. Nghị quyết ĐHĐCĐ

1. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ Tổng công ty.
2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 9. Báo cáo của HĐQT và BKS tại ĐHĐCĐ

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ phải tối thiểu có các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Tổng công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động của HĐQT;
- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;

- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành;
- Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

2. Báo cáo hoạt động của BKS

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHCĐ phải tối thiểu có các nội dung sau:

- Hoạt động của BKS;
- Tổng kết các cuộc họp của BKS và các quyết định của BKS;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Bộ máy quản lý;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Bộ máy Ban điều hành và cổ đông;
- Báo cáo hoạt động của BKS phải đảm bảo có đủ chữ ký của tất cả các KSV; Trường hợp người không ký vào báo cáo sẽ phải giải trình lý do không ký vào báo cáo hoặc báo cáo phải thể hiện được người không ký đó.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, thường trú tại Việt Nam, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ học vấn, có năng lực, kinh nghiệm về tổ chức quản trị Doanh nghiệp.
3. Có hiểu biết Luật pháp.
4. Có nhiều kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty.
5. Có sức khỏe, phẩm chất, đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.
6. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
7. Tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT: Ngoài các quy định về tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo quy định trên đây, Thành viên độc lập HĐQT còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;

- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Tổng công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Tổng công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên HĐQT (nếu có)

2. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 25% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 55% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 55% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% đến dưới 85% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; và từ 85% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 12. Tư cách thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT là những người mà pháp luật và Điều lệ không cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.
2. Thành viên HĐQT Tổng công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên năm (05) công ty khác.

Điều 13. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.
2. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
3. Trường hợp có 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 14. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của ĐHCĐ;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.
 - b. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 15. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định về việc công bố thông tin của Luật chứng khoán và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 16. Thông báo họp HĐQT

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và BKS ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT và BKS được đăng ký tại Tổng công ty.

Điều 17. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 18. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 8 Điều 28 Điều lệ Tổng công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
3. Theo quy định tại Khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 37 Điều lệ Tổng công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó thì thành viên đó không được biểu quyết.
5. KSV có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 19. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 20. Ghi biên bản họp HĐQT

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. Thư ký Tổng công ty hoặc một thành viên HĐQT hoặc một người khác do HĐQT yêu cầu làm thư ký ghi biên bản cuộc họp.

Điều 21. Thông báo nghị quyết HĐQT

Nghị quyết, Quyết định của HĐQT phải được thông báo tới BKS, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các Ban, Đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện.

Điều 22. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Chức năng nhiệm vụ, số lượng thành viên của tiểu ban và Trưởng tiểu ban do HĐQT quyết định. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. Việc thành lập tiểu ban phải được ĐHCĐ chấp thuận.
2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của Tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 23. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty một cách hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do HĐQT quyết định, tối đa 05 năm. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và KSV;
 - g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
 - h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
 - i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
3. HĐQT có thể bãi miễn Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần thiết nhưng không được trái với các quy định hiện hành về Luật lao động. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật về chứng khoán.

Điều 24. Thư ký Tổng công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký Tổng công ty để hỗ trợ hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;
4. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
7. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG IV

KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Thành phần và yêu cầu đối với KSV

1. Số lượng thành viên

Số lượng KSV được quy định tại Khoản 1 Điều 35 của Điều lệ, cụ thể BKS gồm ba (03) thành viên. Các thành viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số.

2. Tiêu chuẩn và yêu cầu của KSV
KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và Điều 35 Điều lệ Tổng công ty.
3. Trưởng BKS
Trưởng BKS phải là Kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và làm chuyên trách tại Tổng công ty. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm theo nhiệm sau:
 - Triệu tập cuộc họp BKS;
 - Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
 - Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Tư cách KSV

1. KSV là những người không thuộc đối tượng mà Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty cấm làm KSV. KSV phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. KSV có thể không phải là Cổ đông của Tổng công ty.
2. KSV không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Tổng công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các KSV không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty.

Điều 27. Ứng cử, đề cử người vào vị trí KSV

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng trở lên có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên của BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Điều 28. Cách thức bầu KSV

1. Việc biểu quyết bầu KSV phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.
2. Người trúng cử KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
3. Trường hợp có 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV

1. KSV bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm KSV theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. KSV bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của KSV quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV.

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV theo quy định của pháp luật chứng khoán và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Tổng công ty có Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, là người đại diện của Tổng công ty trước pháp luật. Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Điều lệ và trong Quy chế này.
3. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng chịu trách nhiệm giúp việc cho Tổng giám đốc theo nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

Điều 32. Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp

1. *Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:*
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế ít nhất năm (05) năm trong công tác quản trị doanh nghiệp và/hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;
 - Có trình độ từ đại học trở lên thuộc các ngành kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến hoạt động chủ yếu của Tổng công ty;
 - Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp và hiểu biết pháp luật;
 - TGD không được đồng thời là Giám đốc hoặc TGD của doanh nghiệp khác.
2. *Phó Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:*
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế ít nhất năm (05) năm trong công tác quản trị doanh nghiệp và/hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;
 - Có trình độ từ đại học trở lên;
3. *Kế Toán trưởng phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:*
- Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán
 - Trình độ đại học trở lên
 - Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
 - Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 05 năm
 - Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán năm 2015;

Điều 33. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp

1. **Bổ nhiệm Tổng giám đốc**

- HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.
- Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

2. **Bổ nhiệm người điều hành khác**

- Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
- Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 34. Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc và người điều hành khác

1. Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điều 31 và Điều 32 của Điều lệ Tổng công ty. Một thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc sẽ ký kết hợp đồng lao động với các Phó Tổng giám đốc, Kế Toán trưởng và Người điều hành khác.
3. Việc ký kết Hợp đồng với Người điều hành doanh nghiệp phải đảm tuân thủ quy định của pháp luật về lao động.

Điều 35. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm theo các quy định của pháp luật, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và tại văn bản nội bộ của Tổng công ty.

Điều 36. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức thành viên Bộ máy điều hành, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật Chứng khoán.

**CHƯƠNG VI
PHỐI HỢP GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BKS
VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Điều 37. Nguyên tắc phối hợp, làm việc

1. Thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Tổng công ty.
2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.
3. Nguyên tắc của công tác kiểm soát chung và kiểm soát nội bộ là không gây cản trở các hoạt động sản xuất kinh doanh và không trực tiếp can thiệp vào công tác điều hành của các đơn vị, kiểm soát tham gia tư vấn, giám sát và tham mưu trong việc chấn chỉnh công tác quản lý đơn vị và Tổng công ty.

Điều 38. Mọi quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS

Mọi quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS là mối quan hệ giữa hoạt động quản trị Tổng công ty với hoạt động kiểm soát tính tuân thủ nhằm đảm bảo mọi hoạt động quản trị, điều hành Tổng công ty đều thể hiện tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Tổng công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.

Công tác quản trị thực hiện việc đề ra các chủ trương chính sách, cơ chế hoạt động, thiết lập tầm nhìn chiến lược và chiến thuật phát triển Tổng công ty theo từng giai đoạn và các chiến lược dài hạn của Tổng công ty.

Công tác kiểm soát của BKS là giám sát việc triển khai các chủ trương chính sách cơ chế hoạt động và chiến lược phát triển Tổng công ty, giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc.

1. Quan hệ phối hợp:

- HĐQT và BKS thiết lập, áp dụng và duy trì cơ chế phối hợp trực tiếp trong hoạt động quản trị điều hành thông qua các cuộc họp HĐQT, trong quá trình quản trị điều hành nhằm đảm bảo BKS luôn có đủ thông tin cần thiết để thực thi chức năng kiểm tra, giám sát, kiểm soát tính tuân thủ và thông báo ngay cho HĐQT khi phát hiện có nội dung không phù hợp để HĐQT xem xét, điều chỉnh kịp thời;
- BKS tư vấn cho HĐQT trong việc ban hành các chủ trương, chính sách điều hành Tổng công ty, kiến nghị HĐQT thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong niên độ tài chính đảm bảo quản lý hiệu quả các nguồn lực.

2. Quan hệ kiểm soát – giám sát:

- BKS thay mặt ĐHĐCĐ giám sát HĐQT trong quản lý và điều hành Tổng công ty. BKS kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ đã được ban hành nhằm bảo vệ lợi ích của Tổng công ty và Cổ đông;

- BKS có thẩm quyền kiểm tra sự tuân thủ của HĐQT theo Pháp luật, theo các nghị quyết và quyết định của ĐHCĐ; thẩm tra hiệu quả quản lý của HĐQT;
- BKS có quyền tham gia tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT nhằm kiểm tra tính hợp pháp và hợp lệ về trình tự tiến hành cuộc họp, trình tự ra quyết định của HĐQT nhằm đảm bảo lợi ích của Cổ đông;
- BKS có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, cung cấp đúng hạn và đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- Khi phát hiện có thành viên HĐQT vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, BKS phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả;
- BKS có trách nhiệm thông báo kịp thời cho HĐQT về kết quả hoạt động kiểm soát của mình đồng thời làm việc với HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với ĐHCĐ.

Điều 39. Mọi quan hệ làm việc giữa HĐQT với Tổng giám đốc

Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm và chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về công việc được giao. Mọi quan hệ làm việc giữa HĐQT với Tổng giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, cụ thể bao gồm:

1. Theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, HĐQT thực hiện chức năng quản trị với nhiệm vụ hoạch định chiến lược, chính sách, Tổng giám đốc thực hiện chức năng điều hành, triển khai thực hiện chiến lược được HĐQT thông qua;
2. HĐQT cùng với Tổng giám đốc thống nhất các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trên cơ sở thỏa mãn lợi ích của Tổng công ty và trình ĐHCĐ thông qua và các phương pháp, cách thức tiến hành và các giải pháp để đạt được các mục tiêu đề ra;
3. Tổng giám đốc phân công người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất của Tổng công ty để trình ĐHCĐ. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện có vấn đề không phù hợp với Pháp luật hiện hành thì Tổng giám đốc báo cáo HĐQT để HĐQT điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó;
4. Tổng giám đốc có quyền chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Tổng giám đốc như được quy định tại Điều lệ Tổng công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho HĐQT biết;
5. Hàng tháng, quý, sáu (06) tháng, chín (09) tháng và hàng năm, Tổng giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho HĐQT, kiến nghị những vấn đề cần được HĐQT giải quyết trong phạm vi thẩm quyền và mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch trong thời gian tới;
6. Khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn, Tổng giám đốc cần kịp thời báo cáo đột xuất bằng văn bản hoặc bằng các phương tiện thông tin nhanh nhất cho HĐQT để HĐQT có biện pháp xử lý kịp thời;
7. Tổng giám đốc được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT để báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT, đồng thời kiến nghị, góp ý xây dựng các chủ trương chính sách của HĐQT phù hợp với tình hình thực tiễn của Tổng công ty;
8. HĐQT thiết lập cơ chế thanh tra kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát việc triển khai thực hiện các chủ trương chính sách của HĐQT.

Điều 40. Mọi quan hệ làm việc giữa BKS với Tổng giám đốc

Mọi quan hệ làm việc giữa BKS với Ban Tổng giám đốc là mối quan hệ giữa hoạt động kiểm soát tính tuân thủ và hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, cụ thể gồm:

1. *Quan hệ phối hợp:*

Quan hệ phối hợp được thực hiện trên cơ sở thông tin hai chiều giữa BKS và Ban Tổng giám đốc. Ban Tổng giám đốc chủ động cung cấp các thông tin về hoạt động điều hành, BKS chủ động xem xét và đưa ra ý kiến tư vấn cho Ban Tổng giám đốc trong hoạt động điều hành.

2. *Quan hệ kiểm soát và giám sát:*

- BKS có quyền yêu cầu Ban Tổng giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;
- BKS có quyền xem xét tính tuân thủ và tính hợp pháp trong việc ra quyết định của Ban Tổng giám đốc và đánh giá sự phối hợp giữa các thành viên Ban Tổng giám đốc và giữa Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý;
- BKS có quyền tham gia vào các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý hoặc yêu cầu Ban Tổng giám đốc triệu tập cuộc họp bất thường để thông báo các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra giám sát mà BKS nhận thấy đã vi phạm quy định của Pháp luật, quy định của Công ty hoặc gây thiệt hại/có nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty và Cổ đông;
- Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và tạo mọi điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện chức năng nhiệm vụ;
- Khi phát hiện thấy có những điểm không phù hợp trong hoạt động điều hành của Ban Điều hành, BKS thông báo bằng văn bản cho Tổng giám đốc yêu cầu điều chỉnh những điểm không phù hợp đó.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác

1. Thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản Pháp luật có liên quan.
2. Thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Tổng công ty không cấp các khoản vay, bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác và những người có liên quan đến thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được ĐHĐCĐ chấp thuận.
5. Hợp đồng, giao dịch ký với các đối tượng sau phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;
 - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.
6. HĐQT chấp thuận những hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện

Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, KSV về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

7. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Khoản 6 Điều này. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo HĐQT và KSV về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.
8. Các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác và những người có liên quan đến họ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 42. Đánh giá hoạt động

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp.
2. Việc thực hiện đánh giá cán bộ hàng năm thực hiện theo quy định Quy chế thi đua khen thưởng của Tổng công ty.

Điều 43. Khen thưởng

1. Hàng năm, HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh cho niên độ tài chính kèm theo quỹ thưởng cho HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý thuộc diện quản lý của HĐQT. Căn cứ mức độ hoàn thành kế hoạch kinh doanh và chủ trương khen thưởng đã được ĐHĐCĐ thông qua. HĐQT sẽ quyết định mức thưởng cụ thể cho các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý;
2. Các đối tượng khác còn lại sẽ được Hội đồng thi đua khen thưởng – Tổng công ty xét thưởng thành tích hàng năm theo các hình thức biểu dương kèm theo giá trị mức thưởng mới phù hợp với Quy chế thi đua khen thưởng của Tổng công ty và được chi bằng nguồn Quỹ Khen thưởng Tổng công ty. Mức khen thưởng căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn.

Điều 44. Kỷ luật

1. Thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra;
2. Hình thức kỷ luật và trách nhiệm vật chất đối với thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định của Pháp luật và quy chế nội bộ của Tổng công ty.

CHƯƠNG VIII

CÔNG BỐ THÔNG TIN – MINH BẠCH VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

Điều 45. Nguyên tắc về công bố thông tin

1. Định nghĩa: “Việc công bố thông tin được định nghĩa như là một cách thức để đảm bảo rằng tất cả các bên quan tâm đều có thể tiếp cận thông tin thông qua một quy trình minh bạch để đảm bảo cho việc tìm kiếm và thu thập thông tin được dễ dàng, bất kể mục đích tiếp cận thông tin là gì”.
2. Nguyên tắc về công bố thông tin:
 - Thường xuyên, kịp thời
 - Có thể tiếp cận một cách dễ dàng, rộng rãi
 - Chính xác và đầy đủ
 - Nhất quán, phù hợp và có văn bản dẫn chứng
3. Tổng công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Tổng công ty cho cổ đông và công chúng phù hợp với Quy định Công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
4. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư, đảm bảo thông tin minh bạch.
5. Tổng giám đốc Tổng công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện việc công bố thông tin. Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

Điều 46. Thông tin bí mật

1. Để tránh những ảnh hưởng bất lợi đến quyền và lợi ích chính đáng của Công ty và các cổ đông trong việc công bố thông tin, Tổng công ty được phép bảo mật thông tin đối với thông tin bí mật thuộc phạm vi Bí mật kinh doanh theo quy định của Luật Cạnh tranh.
2. Phạm vi Bí mật kinh doanh và các Thông tin bí mật khác được quy định tại Quy chế về công bố thông tin và Chính sách bảo mật thông tin.

Điều 47. Thông tin nội bộ và giao dịch nội bộ

1. Thông tin nội bộ là những thông tin liên quan đến Tổng công ty chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán của Tổng công ty.
2. Thông tin nội bộ được lưu giữ cẩn mật bởi những người có thẩm quyền theo quy định của Chính sách bảo mật thông tin.
3. Các đối tượng có thể tiếp cận thông tin nội bộ bao gồm:
 - Thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc, Người Quản lý khác, trong phạm vi các công việc có liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao;
 - Cổ đông lớn của Tổng công ty;
 - Người kiểm toán báo cáo tài chính, các công ty chứng khoán, các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và người hành nghề chứng khoán của Tổng công ty;
 - Tổ chức, cá nhân có quan hệ hợp tác kinh doanh, cung cấp dịch vụ với Tổng công ty và cá nhân làm việc trong tổ chức đó;
 - Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp có được thông tin nội bộ từ những đối tượng quy định tại các điểm đã nêu ở trên. - Những người được tiếp cận các thông tin nội bộ không được phép;

- Mua bán chứng khoán liên quan tới thông tin nội bộ mà mình được tiếp cận;
 - Tiết lộ thông tin nội bộ cho những cá nhân khác trừ phi việc tiết lộ đó được thực hiện trong quá trình thực thi nhiệm vụ được Tổng công ty giao phó;
 - Tư vấn hoặc xui khiến người khác mua bán chứng khoán liên quan đến những thông tin nội bộ mà mình được tiếp cận.
4. Giao dịch nội bộ bất hợp pháp (giao dịch nội gián) là những giao dịch diễn ra khi những người có khả năng tiếp cận các thông tin nội bộ sử dụng những thông tin đó để thu lợi hoặc để tránh tổn thất trên thị trường chứng khoán.
 5. Tổng giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Chính sách an ninh thông tin và cụ thể hóa các quy định, quy trình về tránh xung đột lợi ích của Tổng công ty để điều chỉnh các hành vi liên quan đến việc sử dụng thông tin nội bộ, giao dịch nội bộ.

Điều 48. Tổ chức công bố thông tin, quản lý thông tin và tính minh bạch

1. Tổ chức công bố thông tin
 - HĐQT có trách nhiệm xác lập, thông qua và duy trì Quy chế về công bố thông tin phù hợp với các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định pháp luật có liên quan khác.
 - Đề đảm bảo tính chính xác và kịp thời, Tổng công ty sẽ tổ chức bộ phận chuyên trách/kiêm nhiệm việc công bố thông tin. Tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự/bộ phận này được đề cập trong Quy chế về công bố thông tin. Cán bộ chuyên trách về công bố thông tin của Tổng công ty thực hiện đúng theo quyền và nghĩa vụ được giao.
 - Việc công bố thông tin được thực hiện trên các phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, các ấn phẩm và các trang thông tin điện tử của Tổng công ty.
2. Quản lý thông tin bí mật, thông tin nội bộ
 - Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc xây dựng/đề xuất các tiêu thức phân loại thông tin và hệ thống quản lý thông tin nội bộ, thông tin bí mật phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật. Về nguyên tắc thông tin nội bộ cần được quản lý tập trung từ trên xuống dưới. Từng bộ phận tùy theo đặc thù công việc có đánh giá mức độ nhạy cảm của các thông tin phát sinh tại bộ phận đó để có cách xử lý, bảo mật và quản lý thích hợp.
 - Trong quá trình phát triển hoạt động kinh doanh, danh mục các thông tin cần được thường xuyên bổ sung và cập nhật để quản lý và theo dõi chặt chẽ, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của việc tiết lộ thông tin nội bộ ra bên ngoài.
3. Tính minh bạch
 - Tổng công ty cam kết đảm bảo sự minh bạch trong công bố thông tin theo quy định tại Quy chế về công bố thông tin.
4. Trách nhiệm bồi thường
 - Cá nhân vi phạm Quy chế công bố thông tin, bao gồm nhưng không giới hạn ở vi phạm công tác (i) công bố thông tin, (ii) sử dụng và hoặc tiết lộ thông tin, (iii) chuẩn bị những thông tin được công bố không đầy đủ và thiếu chính xác..., phải chịu trách nhiệm bồi thường và/hoặc bị xử lý trách nhiệm tùy theo mức độ vi phạm.
5. Cơ chế liên lạc thường xuyên với Cổ đông lớn
 - Tổng công ty sẽ thông tin với cổ đông lớn bất cứ khi nào HĐQT thấy cần thiết, tuy nhiên trên nguyên tắc không ít hơn 2 lần/năm.

Điều 49. Các nội dung công bố thông tin

1. Công bố thông tin về tình hình quản trị Tổng công ty

- Tổng công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ ĐHCĐ hàng năm, trong Báo cáo thường niên của Công ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:
 - + Thành viên và cơ cấu của HĐQT và BKS;
 - + Hoạt động của HĐQT và BKS;
 - + Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT;
 - + Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty;
 - + Thù lao và chi phí cho thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc;
 - + Thông tin về các giao dịch cổ phiếu Tổng công ty của các thành viên HĐQT, KSV, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
 - + Số lượng thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc đã tham gia đào tạo về quản trị Công ty
 - + Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy Chế, nguyên nhân và giải pháp.
 - Tổng công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ và công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
 - Thành viên HĐQT, KSV, Tổng giám đốc, Ban Điều hành có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về:
 - + Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc trong thời gian 3 năm trước;
 - + Các giao dịch giữa Tổng công ty và công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc hoặc cổ đông lớn;
 - + Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất và phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.
2. Nội dung công bố thông tin gồm:
- Những thông tin định kỳ: các báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo thường niên
 - Những thông tin bất thường;
 - Những thông tin theo yêu cầu của UBCKNN;
 - Những thông tin liên quan đến giao dịch của các cổ đông lớn;
 - Những thông tin liên quan đến giao dịch cổ phiếu quỹ;
 - Những thông tin liên quan đến giao dịch cổ phiếu của các cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng;
 - Những thông tin liên quan đến việc giao dịch và chào bán ra công chúng;
 - Những thông tin liên quan đến việc chào bán chứng khoán ra công chúng và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán;
 - Các thông tin khác theo quy định của pháp luật.
3. Công bố thông tin tự nguyện
- Các thông tin mà Công ty có thể tự nguyện công bố (không thuộc phạm vi yêu cầu của pháp luật) trên trang thông tin điện tử bao gồm:
- Các mục tiêu của Tổng công ty;
 - Cơ cấu sở hữu của cổ đông lớn, quan trọng và quyền biểu quyết;
 - Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành;
 - Các yếu tố rủi ro trọng yếu có thể dự đoán trước;
 - Người lao động và các bên có quyền lợi liên quan;
 - Cơ cấu và chính sách Quản trị Tổng công ty.
4. Phạm vi thông tin với Cổ đông lớn

Phạm vi thông tin với Cổ đông lớn bao gồm:

- Thông tin nội bộ;
- Các ý kiến đóng góp của Cổ đông lớn về quản trị công ty

Điều 50. Công bố thông tin về các cổ đông lớn

1. Tổng công ty phải tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng Cổ đông lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân);
 - Địa chỉ liên lạc;
 - Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);
 - Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Tổng công ty;
 - Tình hình biến động về sở hữu của các Cổ đông lớn;
 - Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của Tổng công ty;
 - Tình hình tăng, giảm cổ phiếu và cầm cố, thế chấp cổ phiếu Tổng công ty của các Cổ đông lớn.
2. Tổng công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
3. Để bảo đảm quyền lợi của cổ đông, cổ đông phải thường xuyên và kịp thời cung cấp thông tin của cổ đông cho Tổng công ty. Trường hợp Cổ đông không cung cấp thông tin dẫn đến quyền lợi của cổ đông bị ảnh hưởng và nếu việc ảnh hưởng đó không xuất phát từ lỗi của Tổng công ty, Tổng công ty sẽ không có trách nhiệm bồi thường.

Điều 51. Bảo mật thông tin

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định và quy trình về bảo mật thông tin (như là một phần của Chính sách an ninh thông tin).
2. Phạm vi điều chỉnh sẽ bao gồm các thông tin nội bộ, thông tin bí mật và các thông tin nhạy cảm khác của Tổng công ty cần được bảo mật.
3. Các nội dung chính phải tối thiểu bao gồm: quản lý rủi ro thông tin, bộ phận phụ trách, quản lý tài sản, lưu trữ, thông tin liên lạc, kiểm soát truy cập, quản lý cam kết bảo mật đối với bên thứ ba.

CHƯƠNG IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 52. Tổ chức thực hiện

Quy chế này là cơ sở để Tổng công ty ban hành hệ thống quy chế nội bộ áp dụng cho các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty.

1. HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm triển khai áp dụng các quy định này vào ĐHCĐ, các cuộc họp HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc theo đúng trình tự được quy định tại Quy chế này. Hệ thống báo cáo của các đơn vị liên quan phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Quy chế.
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan thiết lập hệ thống quy chế hoạt động của Ban Tổng giám đốc, phân cấp phân quyền giữa các thành viên Ban Tổng giám đốc phù hợp với quy định tại Quy chế này;

Điều 53. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 9 Chương và 53 Điều, được Hội đồng Quản trị Tổng công ty soạn thảo và trình ĐHĐCĐ thông qua căn cứ trên nội dung Điều lệ sửa đổi của Tổng công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, tổ chức ngày 27 tháng 4 năm 2018. Các văn bản do Tổng công ty ban hành trước đây trái với nội dung Quy chế này đều không còn hiệu lực thi hành.
2. Việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty do HĐQT Tổng công ty xem xét trình ĐHĐCĐ thông qua.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Như Linh

Handwritten mark

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

I. Đánh giá hoạt động trong năm 2017 của PV GAS

Năm 2017, PV GAS triển khai thực hiện kế hoạch có chút thuận lợi từ việc giá dầu cao hơn so với kế hoạch (tăng 5 USD/thùng so với kế hoạch). Tuy nhiên, bên cạnh đó, PV GAS cũng gặp không ít khó khăn, trở ngại đó là: một số hệ thống khí đưa vào hoạt động đã lâu, chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày một lớn; mưa nhiều và sớm so với mọi năm, nước các hồ thủy điện ở mức cao, Tập đoàn Điện lực Việt Nam ưu tiên huy động điện từ thủy điện (sản lượng huy động từ khí chỉ bằng 93% năm 2016); một số dự án lớn liên quan nhiều bên (Su Tử Trắng, Nam Côn Sơn 2 giai đoạn 2, Sao Vàng - Đại Nguyệt), công đoạn chuẩn bị đầu tư triển khai gặp nhiều khó khăn; sản xuất ống, bọc ống không có dự án lớn để thực hiện, hoạt động không được liên tục;...

Lường trước được những khó khăn, ngay từ đầu năm, PV GAS đã chủ động thực hiện quyết liệt đồng bộ nhiều giải pháp hiệu quả, ấn định/điều độ khí hợp lý, thực hiện chế độ vận hành tối ưu, tăng cường công tác tiết giảm chi phí, nâng cao công tác quản lý, kiểm soát và thu hồi công nợ, kiểm tra giám sát, giao ban công trường,... cùng với nỗ lực, cố gắng không ngừng của tập thể Ban Lãnh đạo trong công tác chỉ đạo, điều hành, sự đoàn kết của toàn thể Cán bộ công nhân viên, sự hỗ trợ tích cực từ các cấp, đơn vị trong và ngoài ngành, sự phối hợp nhịp nhàng các khâu từ thượng nguồn đến hạ nguồn, sự giám sát chặt chẽ và ủng hộ tích cực từ Đại hội đồng cổ đông,... PV GAS đã đạt được nhiều thành tích quan trọng cũng như hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2017.

Đã vận hành an toàn hệ thống khí, không để sự cố đáng tiếc nào xảy ra gây ảnh hưởng đến con người, tài sản cũng như uy tín của PV GAS; hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng từ 2-41% (sản xuất và cung cấp trên 9,6 tỷ m³ khí, trên 1,5 triệu tấn LPG, trên 78 ngàn tấn condensate), trong đó chỉ tiêu sản lượng LPG và Condensate về đích trước kế hoạch từ 2-3 tháng; các chỉ tiêu tài chính hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 28-145% (doanh thu 65.957 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 12.588 tỷ đồng), về đích trước kế hoạch 2-3 tháng và tăng từ 9%-55% so với năm 2016, đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước (trên 5.459 tỷ đồng, tăng 55% so với năm 2016) và Tập đoàn (khoảng 13% doanh thu và 30% lợi nhuận toàn Tập đoàn) là Top đầu các đơn vị trong Tập đoàn có tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 23%, trên vốn điều lệ đạt 52%; tiếp tục cung cấp khí ổn định để sản xuất gần 30% sản lượng điện, 70% đạm, 70% thị phần LPG cả nước;

PV GAS được Vietnam Report xếp vị trí thứ 5 trong số các doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam; được Forbes đánh giá là Á quân Thị trường Chứng khoán Việt Nam về doanh thu và lợi nhuận; được VIFOTEC trao giải Nhì tại Lĩnh vực Công nghệ tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng mới; được Nikkei bình chọn là 1 trong 2 đại diện của Việt Nam trong danh sách 100 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả và có giá trị nhất châu Á; giá trị cổ phiếu của GAS tăng cao (giá trị vốn hoá gần 10 tỷ USD), được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm;...

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH17	TH17	TH17/KH17
1	Khí ẩm	Tr.m3	9.666	9.840	102%
2	Khí tiêu thụ	Tr.m3	9.274	9.607	104%
3	Condensate tiêu thụ	1000T	56	78	141%
4	LPG tiêu thụ Công ty mẹ ⁽¹⁾	1000T	1.050	1.344	128%
5	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	51.479	65.957	128%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	6.297	12.588	200%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	5.257	9.937	189%
8	Tỷ suất LNST/VĐL	%	27	52	-
9	Nộp Ngân sách Nhà nước	Tỷ Đ	2.231	5.459	245%
10	Vốn giải ngân ĐTXD (C.ty mẹ) ⁽²⁾	Tỷ Đ	3.782	2.171	57%
11	Tổng tài sản	Tỷ Đ	-	61.786	-

Ghi chú: ⁽¹⁾ cùng với các đơn vị thành viên (trừ phần trùng), PV GAS cung cấp ra thị trường trong và ngoài nước là 1.582.588 tấn LPG; ⁽²⁾ nêu tính cả đơn vị thành viên, PV GAS đã giải ngân vốn đầu tư 2.654 tỷ đồng.

- Công tác an toàn luôn được PV GAS chú trọng, đặt lên hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. PV GAS đã xây dựng và ban hành các chương trình, chỉ thị, kế hoạch triển khai công tác an toàn, thường xuyên kiểm tra, đánh giá định kỳ; tổ chức các hội nghị về an toàn, vận hành và bảo dưỡng sửa chữa, xem xét của Lãnh đạo về hệ thống quản lý tích hợp An toàn - Chất lượng - Môi trường; hội thảo/diễn tập phòng cháy chữa cháy với nhiều lực lượng tham gia trên các công trình khí; đối với các dự án đầu tư xây dựng luôn thực hiện kiểm tra, đảm bảo an toàn trong quá trình xây dựng lắp đặt cũng như trước và trong quá trình chạy thử;...Phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển trong công tác tuần tra, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ các công trình khí; với Bộ đội Biên phòng, Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản các tỉnh miền Tây thực hiện việc cài đặt tọa độ đường ống dẫn khí lên máy định vị trên các tàu của ngư dân và truyền thông an ninh - an toàn công trình khí. Làm việc với UBND tỉnh Đồng Nai, Công ty TNHH Bất động sản Trần Thái, Công ty Cổ phần Đầu tư cảng Phước An xử lý các kiến nghị chồng lấn liên quan tuyến ống khí Phú Mỹ - Thành phố Hồ Chí Minh với qui hoạch Cảng Phước An, đất dự án Trần Thái. Với việc nghiêm túc thực hiện các chương trình, kế hoạch đặt ra, tuân thủ các qui định cũng như phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan, kết quả là các cơ sở sản xuất kinh doanh của PV GAS hoạt động an toàn, không vi phạm qui định về môi trường, không để sự cố đáng tiếc nào xảy ra gây ảnh hưởng đến con người, tài sản cũng như uy tín của PV GAS.
- Hoạt động vận hành, sản xuất của PV GAS bắt đầu kể từ khi có dòng khí đầu tiên vào bờ vào năm 1995 đến nay, diễn ra liên tục suốt các ngày trong năm và 24/24 giờ; bắt đầu từ các mỏ khí ngoài khơi biển Việt Nam đến các địa điểm giao nhận khí, sản phẩm khí với khách hàng; kết nối trực tiếp với các chủ mỏ,

bên bán khí, chủ đường ống, nhà máy điện, nhà máy đạm, công ty kinh doanh LPG, Condensate, bên vận chuyển và nhà thầu, PV GAS D,... bao gồm: Hệ thống khí Cừu Long; Hệ thống khí Nam Côn Sơn; Hệ thống khí PM3; Hệ thống khí Hàm Rồng – Thái Bình;

- Hoạt động bảo dưỡng sửa chữa của PV GAS được thực hiện nhằm mục đích duy trì trạng thái vận hành liên tục, ổn định, hiệu quả của các công trình khí; ngăn ngừa, khắc phục nhanh chóng sự cố làm gián đoạn quá trình vận hành, sản xuất; và trên hết là cho mục tiêu an toàn – chất lượng – hiệu quả; được phân cấp thực hiện cho các công ty trực thuộc – những đơn vị trực tiếp quản lý và vận hành các công trình khí (bao gồm Công ty vận chuyển khí Đông Nam Bộ, Công ty khí Cà Mau, Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn, Công ty chế biến khí Vũng Tàu, Công ty dịch vụ khí) với các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, kiểm định hiệu chuẩn; bảo dưỡng sửa chữa ngăn ngừa; và bảo dưỡng sửa chữa đột xuất các công trình khí của PV GAS. Việc thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa về mặt khối lượng công việc, tiến độ và chất lượng đóng vai trò quan trọng, góp phần giúp hoạt động vận hành, sản xuất, kinh doanh của PV GAS an toàn, không xảy ra sự cố nghiêm trọng nào trong suốt 27 năm qua. Năm 2017, PV GAS thực hiện các hoạt động BDSC thường xuyên, ngăn ngừa và kiểm định hiệu chuẩn cho các thiết bị/hệ thống công trình khí.
- Công tác đầu tư xây dựng được triển khai thực hiện tích cực, toàn PV GAS có 66 dự án/đầu việc được triển khai (13 dự án nhóm A, 11 dự án nhóm B, 42 dự án nhóm C & mua sắm, đầu tư tài chính) với số vốn giải ngân là 4.652 tỷ đồng (Công ty mẹ 23 dự án/đầu việc với số vốn giải ngân 3.782 tỷ đồng). PV GAS đã chủ động/phối hợp chặt chẽ với các Bộ ngành, Tập đoàn, Chủ khí cũng như bám sát kế hoạch trong quá trình triển khai dự án; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc tại hiện trường, duy trì giao ban hàng tuần/tháng để tháo gỡ vướng mắc;...Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện gặp một số khó khăn vướng mắc về thông tin dữ liệu đầu vào dự án, khâu thẩm định, xem xét, phê duyệt của các cấp nên một số dự án của PV GAS có khả năng chậm so với kế hoạch ban đầu. Kết quả tổng giá trị giải ngân trong năm đạt 2.654 tỷ đồng (Công ty mẹ 2.171 tỷ đồng - tập trung vào dự án GPP Cà Mau, Lô B, nâng cao hệ số thu hồi LPG Dinh Cố; bằng 57% kế hoạch).
- Bên cạnh việc chỉ đạo, điều hành để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thì trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng là một trong những ưu tiên được PV GAS đặt lên hàng đầu, luôn nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về môi trường, thể hiện trách nhiệm cao đối với môi trường và xã hội; cũng như hướng dẫn các nhà thầu, nhà cung cấp dịch vụ thực hiện việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.

PV GAS đã có nhiều cố gắng, chủ động triển khai công tác bảo vệ môi trường vào thực tiễn hoạt động của công nghiệp khí từ rất sớm, tích hợp xây dựng Hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, ISO 14001, OHSAS 18001 (ISO DIS 45001) và là một trong những đơn vị đi tiên phong trong lĩnh vực an toàn, môi trường, từng bước hoàn thiện, cập nhật liên tục các quy định, quy trình về quản lý an toàn, môi trường, ứng phó với các sự cố đặc thù riêng của ngành khí. Đây là một nỗ lực không ngừng của PV GAS trong những năm hoạt động vừa qua, vì PV GAS đã nhận thức An toàn – Môi trường là vấn đề sống còn của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khí/PV GAS, là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển

PV GAS. Hệ thống quản lý tích hợp này được phát triển dựa trên một quá trình tuần hoàn hành động: “Hoạch định, thực thi, kiểm tra và đánh giá” (Plan – Do – Check- Act) và triển khai đồng bộ xuống các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên của PV GAS để đảm bảo PV GAS luôn đầu tư đầy đủ nhân lực, trang thiết bị cho công tác bảo vệ môi trường.

- Ngoài ra, PV GAS còn tích cực hưởng ứng, tham gia các chương trình an sinh xã hội trên khắp các địa bàn cả nước. Công tác an sinh xã hội được triển khai tích cực, thiết thực, đúng đối tượng. Các chương trình tài trợ giáo dục đào tạo, y tế, xây dựng nhà đại đoàn kết, đền ơn đáp nghĩa, xây dựng công trình biển đảo, tài trợ khắc phục hậu quả thiên tai, cứu trợ nhân đạo với số tiền đã ủng hộ/tài trợ trên 81 tỷ đồng (năm 2016 chuyển qua 59 tỷ đồng; năm 2017 thực hiện 22 tỷ đồng). Những hoạt động an sinh xã hội thiết thực của PV GAS trong thời gian qua mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.
- Bên cạnh những thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh chính, nhận thức và thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, công tác tái cấu trúc, nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, tiết giảm chi phí, hợp tác đầu tư, lao động, tiền lương, an sinh xã hội... cũng đạt kết quả tốt, cùng đóng góp vào thành công chung của PV GAS trong năm 2017 về mặt hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cũng như những đóng góp cho cộng đồng.

Với kết quả đạt được của năm 2017, PV GAS đã trở thành một trong những đơn vị dẫn đầu của Tập đoàn về đóng góp doanh thu và lợi nhuận; Top đầu các đơn vị trong Tập đoàn có tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu trên 10%, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng (cung cấp khí để sản xuất gần 30% sản lượng điện, 70% đạm, khoảng 70 % thị phần LPG cả nước. PV GAS vinh dự là 1 trong 2 đại diện của Việt Nam được chọn vào danh sách 100 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả và có giá trị nhất châu Á (Nikkei Asian Review); thuộc TOP 10 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất năm 2017 (Vietnam Report); lần thứ 5 liên tiếp thuộc TOP 50 công ty tốt nhất (Forbes Việt Nam).

II. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành trong năm 2017 của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành trong năm 2017, cụ thể:

- Triển khai, chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao và đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Thường xuyên báo cáo đầy đủ trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi phát sinh vấn đề vượt phân cấp thẩm quyền quyết định của Ban Tổng Giám đốc.
- Rà soát thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ phê duyệt.

- Làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh chuyên nghiệp, trung thực, cẩn trọng, với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của PV GAS và cổ đông.
- Có tầm nhìn chiến lược lâu dài và hoạch định sẵn sàng các kế hoạch, giải pháp linh hoạt, nhạy bén để sẵn sàng đối phó với các bất lợi, rủi ro.

III. Hoạt động trong năm 2017 của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động của HĐQT

- HĐQT đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua các quy chế, nghị quyết/quyết định (198 NQ/QĐ) và các cuộc họp với Ban điều hành. HĐQT luôn hỗ trợ phối hợp kịp thời với Ban Điều hành TCT trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ của TCT. Trong công tác chỉ đạo HĐQT thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của TCT, quyết định phân cấp trong việc ban hành các văn bản chỉ đạo đối với công tác SXKD như: Các Quy trình, chính sách giá bán khí (Chính sách giá khí và sản lượng khí Thái Bình năm 2017; Chính sách giá khí thấp áp, CNG khu vực Đông Nam Bộ năm 2017; Chính sách giá khí, sản lượng khí Thái Bình từ Quý II-Quý IV/2017; Giá bán Condensate Thái Bình và Dinh Cố năm 2017; Cấp khí cho DA thí điểm Sản xuất và sử dụng khí thiên nhiên làm nhiên liệu động cơ tại Việt Nam của PVGAZPROM NGV; Dự kiến lộ trình giá khí CNG để đánh giá hiệu quả đầu tư các dự án đầu tư mới) và KH cho SXKD.
- HĐQT đã tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ (2 tuần/lần) của Ban Tổng giám đốc và chủ trì/đồng chủ trì nhiều cuộc họp quan trọng liên quan đến triển khai các dự án trọng điểm, công tác tái cấu trúc, sơ kết/tổng kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT,... Việc giám sát, đôn đốc, hỗ trợ, kiểm tra của HĐQT đã giúp Ban Điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, hiệu quả, giúp cho TCT hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017 một cách xuất sắc, tiếp tục là 1 trong những đơn vị dẫn đầu của PVN.
- HĐQT đã chỉ đạo xây dựng, xem xét thông qua trình PVN Chiến lược PVGas đến 2025 định hướng đến 2035; KH 2016-2020; Báo cáo tình trạng tài chính và dự báo dòng tiền đến năm 2030; Tổng kết tình hình tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2012-2017, nhiệm vụ giải pháp đến năm 2020; Kế hoạch 2018, kế hoạch 2017 điều chỉnh; đồng thời thông qua/phê duyệt các kế hoạch điều chỉnh/bổ sung trong quá trình triển khai thực hiện của tất cả các đơn vị trong toàn TCT. HĐQT đã chỉ đạo ban hành và giám sát chặt chẽ việc thực hiện các Chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, hạ giá thành sản phẩm.
- HĐQT đã chỉ đạo xây dựng và thực hiện Phương án tái cấu trúc tại TCT (tại Gas city; tăng tỷ lệ vốn góp của PVGas tại KMN và KMB).
- HĐQT đã ban hành mới/sửa đổi nhiều quy chế/qui trình để phù hợp thực tế cũng như đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản trị doanh nghiệp như: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ PVGas, Quy chế quản lý tài liệu mật, Quy chế nâng

bậc lương của PVGas; Quy chế xây dựng và ban hành văn bản quản lý nội bộ của PVGas; Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thu dọn công trình khí của PVGas; Quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ phát triển KHCN; thành lập Quỹ phát triển KHCN; phê duyệt KH trích Quỹ phát triển KHCN của PVGas 2017; Quy chế Khoa học và Công nghệ của PVGas; Sửa đổi Quy chế nâng bậc lương và đặc cách nâng bậc lương của PVGas; Quy trình đấu giá LPG Cà Mau; Quy định về chế độ công tác phí đi công tác trong nước của PVGas; Sửa đổi bổ sung Quy định trang bị, quản lý và sử dụng điện thoại, máy fax, internet; Quy chế quản lý tiền lương thù lao, tiền thưởng đối với NĐD của PVGas tại các công ty CP có vốn góp của PVGas; Bổ sung một số nội dung trong Quy chế trả lương, trả thưởng của PVGas; Quy chế trả lương, thù lao và tiền thưởng của các đơn vị thành viên;...

- HĐQT đã chấp thuận việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức phù hợp chức năng nhiệm vụ hiện nay/mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của một số công ty trực thuộc; cũng như việc cử người đại diện tại các công ty cổ phần phù hợp với quyền lợi của TCT.
- HĐQT đã chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung các hợp đồng mua bán khí với các chủ mỏ/bên bán và với khách hàng theo các quy định mới của Nhà nước, PVN về giá khí, cước phí,...
- Về đầu tư xây dựng và hoạt động sản xuất kinh doanh: đã thực hiện phân cấp triệt để cho Tổng giám đốc và các đơn vị, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Trên cơ sở các kiến nghị, ý kiến từ các Đoàn kiểm tra của Nhà nước (UB kiểm tra TW, Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Bộ Tài chính, Thanh tra Tổng cục thuế, Thanh tra Bộ Xây dựng...), PVN và kiểm tra kiểm soát nội bộ trong năm 2017, HĐQT, Ban lãnh đạo TCT đã nghiêm túc chấp hành và đã có các chỉ thị chấn chỉnh kịp thời đối với các vấn đề còn thiếu sót cần phải sửa chữa và nghiêm khắc rút kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành SXKD trong toàn TCT. Về đầu tư xây dựng, HĐQT đã phân cấp cho Ban điều hành phê duyệt Chương trình giám sát và đánh giá đầu tư cả năm 2017 làm cơ sở triển khai thực hiện.
- HĐQT đã thông qua/phê duyệt các vấn đề liên quan đến nhiều dự án lớn quan trọng, đó là: Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng DA thu gom vận chuyên khí mỏ Sư Tử Trắng; Phê duyệt KHLCNT các gói thầu phục vụ lập FS Dự án thu gom, vận chuyên khí mỏ STT; Triển khai thực hiện các gói thầu phục vụ lập FS DA đường ống thu gom, vận chuyên khí mỏ STT; Chấp thuận Báo cáo cập nhật FS DA Đường ống dẫn khí Lô B; Chấp thuận KHLCNT gói thầu cập nhật FEED và Dự toán DA Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn; Chấp thuận KHLCNT các gói thầu thuộc DA Lô B Ô Môn; Chấp thuận chủ trương chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Kho chứa LNG IMMTPA tại Thị Vải; Điều chỉnh mốc tiến độ First Gas DA NCS2-gđ1;... Kết quả là các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của PVGas thực hiện theo đúng định hướng, đúng các qui định hiện hành.
- Về công tác gia tăng thị phần LPG bán lẻ: HĐQT đã phê duyệt báo cáo nghiên cứu thị trường bán lẻ LPG dân dụng và xây dựng chiến lược bán lẻ LPG PVGas giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025; Phê duyệt kế hoạch triển khai chiến lược bán lẻ LPG PVGas 2017.
- HĐQT đã chỉ đạo chuẩn bị tài liệu và tổ chức thành công cuộc họp ĐHCĐ thường niên vào ngày 17/4/2017; Cũng như chỉ đạo người đại diện của TCT

tham gia biểu quyết/có ý kiến tại các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ các công ty cổ phần trên nguyên tắc đảm bảo quyền và nghĩa vụ của TCT.

- HĐQT đã chỉ đạo việc thực hiện các chương trình hành động, giải pháp về thực hiện Kế hoạch 2017, về hạn chế những tác động của giá dầu giảm, về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí,...

2. Hoạt động của Thành viên HĐQT

Bên cạnh trách nhiệm từng thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty. Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách từng mảng hoạt động như sau:

2.1 Ông Lê Như Linh - Chủ tịch HĐQT

Ngoài việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch qui định tại Quy chế làm việc của HĐQT, Chủ tịch sẽ chịu trách nhiệm chỉ đạo chung trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của HĐQT qui định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế làm việc của HĐQT TCT và các luật khác có liên quan.

Trực tiếp phụ trách lĩnh vực:

- Chiến lược phát triển;
- Đầu tư thượng nguồn;
- Đầu tư chế biến sâu;
- Đổi mới doanh nghiệp;
- Tổ chức nhân sự;
- Tài chính, kế toán, kiểm toán;
- Giám sát hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ.

Nhận xét sơ bộ: Ông Lê Như Linh đã thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS và Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan. Hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công các lĩnh vực trực tiếp phụ trách nêu trên.

2.2 Ông Dương Mạnh Sơn - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Ngoài việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc theo qui định tại Điều lệ, Tổng giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của HĐQT qui định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế làm việc của HĐQT và các luật khác có liên quan.

Trực tiếp phụ trách lĩnh vực:

- Đối ngoại;
- Kế hoạch;
- Quản lý đầu thầu;
- Pháp chế, thanh tra bảo vệ;
- An toàn sức khoẻ môi trường;
- Vận hành, bảo dưỡng sửa chữa;
- Giám sát hoạt động của Cơ quan TCT.

Nhận xét sơ bộ: Ông Dương Mạnh Sơn đã thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của Tổng giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS và Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan. Hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công các lĩnh vực trực tiếp phụ trách nêu trên.

2.3 Ông Phan Quốc Nghĩa - Thành viên HĐQT

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ của HĐQT qui định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế làm việc của HĐQT và các luật khác có liên quan.

Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực:

- Công tác kinh doanh khí khô;
- Công tác đầu tư xây dựng;
- Công tác kinh doanh sản phẩm khí;
- Giám sát hoạt động của các đơn vị sau:
 - + Công ty Chế biến khí Vũng Tàu;
 - + Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ;
 - + Công ty Khí Cà Mau;
 - + Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn;
 - + Công ty cổ phần kinh doanh khí thấp áp Dầu khí Việt Nam.
 - + Ban Quản lý dự án khí Đông Nam Bộ;
 - + Ban Quản lý dự án nhà máy xử lý khí Cà Mau;
 - + Công ty Quản lý Dự án khí;
 - + Công ty Đường ống khí Tây Nam;
 - + Công ty Kinh doanh sản phẩm khí;
 - + Công ty cổ phần kinh doanh khí miền Nam;
 - + Công ty cổ phần kinh doanh khí miền Bắc.

Nhận xét sơ bộ: Ông Phan Quốc Nghĩa đã thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế làm việc của HĐQT và các luật khác có liên quan. Hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công các lĩnh vực trực tiếp phụ trách nêu trên.

2.4 Bà Võ Thị Thanh Ngọc - thành viên HĐQT

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ của HĐQT qui định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế làm việc của HĐQT và các luật khác có liên quan.

Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực:

- Nghiên cứu phát triển về chế biến sâu;
- Phát triển nguồn khí trong và ngoài nước;
- Công tác dịch vụ;
- Công tác liên doanh, liên kết;
- Giám sát hoạt động của các đơn vị sau:
 - + Công ty Dịch vụ khí;

- + Công ty cổ phần bọc ống Dầu khí Việt Nam;
- + Công ty cổ phần sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam;
- + Công ty cổ phần đầu tư phát triển gas đô thị;
- + Công ty liên doanh Pvgazprom.

Nhân xét sơ bộ: Bà Võ Thị Thanh Ngọc đã thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế làm việc của HĐQT và các luật khác có liên quan. Hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công các lĩnh vực trực tiếp phụ trách nêu trên.

IV. Tổng kết các cuộc họp và các Quyết định của Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị và khác

HĐQT đã:

- Tổ chức 11 cuộc họp HĐQT vào các ngày 03/01/2017, 19/01/2017, 02/03/2017, 12/04/2017, 20/04/2017, 21/06/2017, 07/08/2017, 21/08/2017, 17/11/2017, 30/11/2017, 29/12/2017. 100% số lượng thành viên HĐQT trực tiếp tham gia cuộc họp.
- Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 vào ngày 17/04/2017. 80% số lượng thành viên HĐQT trực tiếp tham gia cuộc họp.
- Chủ trì/đồng chủ trì nhiều cuộc họp quan trọng liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức, nhân sự, tái cấu trúc,... của PV GAS;
- Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban Tổng giám đốc.
- Xem xét các báo cáo, đánh giá của Ban kiểm soát về hoạt động của PV GAS và các Đơn vị thành viên.
- Trao đổi, chất vấn Tổng Giám đốc về việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp khác, trừ trường hợp đi công tác ở các tỉnh, thành khác. Khi không thể tham gia các cuộc họp do phải đi công tác ở các tỉnh, thành khác, thành viên HĐQT vắng mặt cho ý kiến, biểu quyết,... bằng phiếu lấy ý kiến, qua điện thoại.

2. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị

HĐQT đã ban hành 198 Nghị quyết, Quyết định để quản lý, điều hành PV GAS đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT; tập trung vào các vấn đề như nêu tại mục III.1.

V. Phương hướng hoạt động trong năm 2018 của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2018, dự báo nền kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, triển vọng tăng trưởng toàn cầu không chắc chắn bởi các biến số khó lường về chính trị thế giới. Bối cảnh chung sẽ tiếp tục tác động vào hoạt động của các Doanh nghiệp Việt Nam nói chung và PV GAS nói riêng. Nội tại, PV GAS phải đối mặt với những khó khăn khi dự báo giá dầu có nhiều biến động và vẫn ở mức thấp; nguồn khí giá rẻ suy giảm nhanh buộc phải huy động nhiều hơn nguồn khí giá cao; thượng nguồn ngày càng có nhiều mỏ khí đưa vào hệ thống nên công tác điều độ ngày càng phức tạp; chi phí bảo dưỡng sửa

chữa ngày một lớn; nhiều dự án mới có nhu cầu vốn lớn, tiến độ sát, cần phải tập trung và huy động nguồn lực lớn để đảm bảo tiến độ,...

Với đặc điểm tình hình trong và ngoài nước nói chung, cũng như của riêng PV GAS, để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ Kế hoạch 2018, HĐQT đã xác định những nội dung chính cần thực hiện như sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy HĐQT làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành.
- Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, tham gia các cuộc họp của Ban điều hành để cùng Ban điều hành kịp thời xử lý công việc.
- Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT và các cấp có thẩm quyền.
- Chỉ đạo:
 - + Triển khai Chiến lược phát triển PV GAS đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035, Kế hoạch 5 năm 2016 – 2020 vì mục tiêu phát triển bền vững của PV GAS.
 - + Triển khai Kế hoạch 2018 với các giải pháp linh hoạt, nhạy bén... để hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch 2018, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch 5 năm 2016-2020.
 - + Vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo công tác an ninh, an toàn các công trình khí.
 - + Đảm bảo hiệu quả trong sản xuất kinh doanh; cung cấp tối đa khí và các sản phẩm khí cho khách hàng; sản xuất và tiêu thụ LPG đáp ứng trên 70% nhu cầu LPG của cả nước.
 - + Tập trung kiểm soát, đảm bảo tiến độ dự án từ khâu chuẩn bị đến thực hiện đầu tư đưa dự án vào sử dụng; thực hiện thanh quyết toán các dự án hoàn thành theo qui định.
 - + Ký kết/quản lý/khai thác có hiệu quả các hợp đồng mua bán, vận chuyển khí; không ngừng đẩy mạnh công tác phát triển thị trường tiêu thụ khí; tăng cường chế biến sâu và đa dạng hóa sản phẩm. Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bán lẻ LPG, gia tăng thị phần.
 - + Tăng cường thực hiện các giải pháp tiết kiệm, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, thu hồi công nợ, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
 - + Thực hiện tái cấu trúc theo Quyết định phê duyệt của Tập đoàn; rà soát, sắp xếp nhân sự hiệu quả, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.
 - + Nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp của PV GAS.
 - + Nâng cao công tác quản trị; xây dựng, triển khai áp dụng hệ thống quản trị nguồn nhân lực phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh tại PV GAS; phát triển thương hiệu, bộ nhận diện thương hiệu PV GAS.

- + Tăng cường công tác nghiên cứu, tìm kiếm, phát triển các nguồn khí mới trong, ngoài nước; tham gia đầu tư thương mại nguồn khí có điều kiện; chuẩn bị các phương án để sẵn sàng với thị trường khí giá cao trong tương lai.
- + Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với các văn bản của Nhà nước, Tập đoàn và tình hình thực tiễn tại PV GAS.

Mục tiêu phấn đấu năm 2018 là: vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo an ninh các công trình khí; đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư; cung cấp trên 9,3 tỷ m³ khí cho các hộ tiêu thụ, doanh thu toàn PV GAS đạt trên 55,726 nghìn tỷ, tiếp tục là đơn vị chủ lực của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và đạt được kỳ vọng của cổ đông PV GAS.

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 VÀ
ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP NĂM 2018**

I. Hoạt động trong năm 2017 của Ban Kiểm soát.

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của BKS theo quy định tại Điều lệ PV GAS và quy chế hoạt động của BKS, năm 2017 BKS đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của PV GAS như sau:

✦ *Công tác kiểm tra, giám sát*

- BKS thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm 2017 đối với các đơn vị (là các công ty trực thuộc và công ty cổ phần có vốn góp chi phối của PV GAS), phản ánh những kết quả đạt được, những tồn tại, thiếu sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị và nêu kiến nghị, giải pháp khắc phục. Sau mỗi đợt kiểm tra, BKS thông báo cho HĐQT/Tổng giám đốc PV GAS để Tổng giám đốc ban hành các chỉ thị khắc phục, chấn chỉnh những tồn tại, thiếu sót đối với từng đơn vị;
- Công tác giám sát cũng được thực hiện thông qua việc xem xét các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, và thông qua kết quả kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý Nhà nước, của cấp trên về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý sử dụng vốn, tài sản, hoạt động đầu tư, mua sắm, công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí và công tác tái cấu trúc;
- Định kỳ hàng quý/năm, lập báo cáo kiểm tra, giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của PV GAS; trong đó, phản ánh những thuận lợi, khó khăn, những kết quả đã đạt được và những tồn tại, thiếu sót để báo cáo cơ quan cấp trên (PVN) theo quy chế của PVN ban hành.

✦ *Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017*

Tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo. Kết quả thẩm định cho thấy:

- Báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của PV GAS tại thời điểm 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017;
- Báo cáo tài chính năm 2017 của PV GAS đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán theo qui định tại Điều lệ PV GAS và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017.

- Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính năm 2017 của PV GAS là lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn và phát triển vốn;
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, lập và nộp báo cáo theo đúng qui định Nhà nước, phản ánh tính đúng đắn và toàn diện hoạt động tài chính của PV GAS;
- Tổ chức quản lý, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán đúng qui định;
- Thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán theo qui định của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thực hiện báo cáo quản trị đầy đủ theo quy định của PVN;

✚ *Các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát :*

Trong năm Ban kiểm soát tổ chức 04 cuộc họp phân công nhiệm vụ cho các thành viên, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vị, thống nhất nội dung thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá kết quả kiểm tra giám sát, và tổng kết tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ của cá nhân và tập thể Ban kiểm soát, cụ thể:

- Lần 1: ngày 17/03/2017

Nội dung:

- + Thông qua chương trình, kế hoạch kiểm tra các đơn vị.
- + Thống nhất nội dung thẩm tra BCTC năm 2016 đã được kiểm toán: Lưu ý TCT về thanh lý vật tư, thu hồi công nợ và quyết toán vốn các dự án đã hoàn thành; khoản bảo lãnh PVPipe.
- + Chuẩn bị các báo cáo phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Lần 2: ngày 27/06/2017

Nội dung:

- + Đánh giá tình hình kiểm tra giám sát các đơn vị.
- + Chuẩn bị nội dung báo cáo kiểm tra giám sát quý 2 gửi PVN.

- Lần 3: ngày 16/11/2017

Nội dung:

- + Bình xét thi đua khen thưởng năm 2017 theo hướng dẫn 2421/KVN-PTNL ngày 30/10/2017

Lần 4: ngày 30/12/2017

Nội dung:

- + Đánh giá tình hình kiểm tra giám sát các đơn vị năm 2017: Do thay đổi trong cách phối hợp kiểm tra đơn vị giữa BKS, KSNB và đoàn kiểm tra của TCT nên BKS không chủ động trong việc thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát của Ban đối với các đơn vị, chưa kiểm tra một số đơn vị theo kế hoạch đề ra.
- + Thảo luận thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vị trong năm 2018, kiến nghị cần phối hợp tốt để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra giám sát, trường hợp Đoàn kiểm tra của Tổng Công ty thay đổi lịch thì BKS sẽ thực hiện theo lịch của BKS.

Ngoài ra, Ban kiểm soát thường xuyên họp rút kinh nghiệm và trao đổi các vấn đề phát sinh liên quan chức năng nhiệm vụ của Ban theo qui chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát đã tham gia và có ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của ban TGD, tham gia các cuộc họp của Ban lãnh đạo Tổng công ty với các phòng ban, đơn vị trực thuộc, các đơn vị thành viên.

2. Hoạt động của Thành viên Ban kiểm soát:

Trên cơ sở các quy định của Luật doanh nghiệp, các hướng dẫn của PVN và Điều lệ KVN về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm chế độ làm việc và các mối quan hệ công tác của thành viên BKS.

- Các thành viên trong BKS có trách nhiệm giải quyết, đề xuất xử lý các vấn đề theo phạm vi công việc được phân công và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông, Trưởng ban về ý kiến, tính chính xác, tính pháp lý của hồ sơ số liệu của mình.
- Phải chấp hành tuyệt đối tính bảo mật theo quy định trong công việc nhiệm vụ được phân công hay các công việc khác khi cần phối hợp trao đổi thông tin trong các Ban, đơn vị trong Tổng công ty.
- Các báo cáo, ý kiến và kiến nghị của BKS phải được trao đổi lấy ý kiến tập thể trong BKS trên cơ sở bàn bạc và thống nhất theo đa số.
- Công việc thực tế được phân công có thể được điều chỉnh bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế đối với từng thành viên trong BKS.

Ban kiểm soát Tổng công ty khí VN đã tiến hành phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng thành viên ban kiểm soát như sau:

- Ông Mai Hữu Ngạn - Trưởng Ban Kiểm soát:
 - Chịu trách nhiệm về công tác tổ chức hoạt động chung của BKS.
 - Chủ trì xây dựng, sửa đổi bổ sung quy chế hoạt động BKS.
 - Lập kế hoạch kiểm tra giám sát hàng năm, triển khai thực hiện khi được HĐQT PVN chấp thuận.

- Lập báo cáo Kiểm tra giám sát quý, năm theo quy định về chế độ báo cáo.
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban TGD KVN. Có ý kiến về các vấn đề mà Ban Kiểm soát nhận thấy ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng Công ty khi thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, mua sắm...
- Tham gia các đoàn KTGS tại các đơn vị khi cần thiết.
- Chủ trì thẩm định báo cáo tài chính quý, năm theo quy định
- Thực hiện các công việc khác theo quy định khi Đại hội đồng cổ đông và PVN yêu cầu;
- Nhận xét: Ông Mai Hữu Ngân đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của mình do Luật doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông, điều lệ PVGAS và PVN qui định. Thực hiện tốt công việc do Ban kiểm soát phân công và kế hoạch giám sát do HĐQT PVN phê duyệt.
- Ông Nguyễn Công Minh - Thành viên Ban kiểm soát:
 - Tham dự các cuộc họp của HĐQT KVN.
 - Phối hợp với Trưởng ban làm việc với HĐQT, Ban TGD và PVN về các lĩnh vực được phân công. Đề xuất với Ban Kiểm soát để Ban Kiểm soát có ý kiến với HĐQT/Ban TGD về các vấn đề mà Ban Kiểm soát nhận thấy ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng Công ty khi thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, mua sắm....
 - Thực hiện quản lý kiểm tra, giám sát các đơn vị thành viên có vốn góp của Tổng công ty và công ty trực thuộc cụ thể:
 - + Công ty CP KD khí hóa lỏng Miền bắc
 - + Công ty CP KD khí hóa lỏng Miền nam
 - + Công ty CP phân phối khí thấp áp
 - + Công ty CP SX ống thép
 - + Ban QLDA nhà máy xử lý khí Cà Mau
 - + Ban QLDA Đông Nam Bộ
 - Tham gia cùng với Kiểm soát viên Hồ Thị Ái Thanh kiểm tra, giám sát các đơn vị khác.
 - Thực hiện các công việc khác khi được phân công và uỷ quyền.
 - Nhận xét: Ông Nguyễn Công Minh đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của mình do Luật doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông, điều lệ PVGAS và PVN qui định. Thực hiện tốt công việc do ban kiểm soát phân công và kế hoạch giám sát do HĐQT PVN phê duyệt.

- Bà Hồ Thị Ái Thanh - Thành viên Ban kiểm soát:
 - Tham dự các cuộc họp của HĐQT KVN.
 - Phối hợp với Trưởng ban làm việc với HĐQT, Ban TGD và PVN về các lĩnh vực được phân công. Đề xuất với Ban Kiểm soát để Ban Kiểm soát có ý kiến với HĐQT/Ban TGD về các vấn đề mà Ban Kiểm soát nhận thấy ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng Công ty khi thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, mua sắm....
 - Thẩm định báo cáo tài chính quý, năm theo quy định
 - Thực hiện quản lý kiểm tra, giám sát các đơn vị thành viên có vốn góp của Tổng công ty và công ty trực thuộc cụ thể:
 - + Công ty Chế biến khí
 - + Công ty Dịch vụ khí
 - + Công ty Kinh doanh khí
 - + Công ty Vận chuyển khí ĐNB
 - + Công ty QLDA khí
 - + Công ty Khí Cà Mau
 - + Công ty đường ống khí NCS
 - + Công ty CP bọc ống dầu khí (PV Coating)
 - + Công ty CP Gas đô thị
 - Tham gia cùng với Kiểm soát viên Nguyễn Công Minh kiểm tra, giám sát các đơn vị khác
 - Thực hiện các công việc khác khi được phân công và uỷ quyền
 - Nhận xét: Bà Hồ Thị Ái Thanh đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của mình do Luật doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông, điều lệ PVGAS và PVN qui định. Thực hiện tốt công việc do ban kiểm soát phân công và kế hoạch giám sát do HĐQT PVN phê duyệt.

II. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc trong năm 2017

⚡ Hoạt động của Hội đồng Quản trị

- HĐQT đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- HĐQT đã ban hành 198 Nghị quyết, Quyết định và các Chỉ thị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và tổ chức nhân sự theo đúng quy định tại Điều lệ PV GAS.

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc PV GAS điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, và đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông giao cho;
- HĐQT đã thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp, ổn định hoạt động của PV GAS, cải tiến công tác quản trị, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục
- HĐQT đã tiếp tục công tác thúc đẩy các hoạt động hợp tác, tìm kiếm cơ hội đầu tư trong và ngoài nước nhằm tìm thêm các nguồn khí, phát triển hệ thống đường ống thu gom, vận chuyển, xây dựng các kho chứa và chủ động tạo lập thị trường kinh doanh khí, quảng bá thương hiệu của PV GAS trên thị trường trong nước và quốc tế.

⚡ *Hoạt động của Ban Tổng giám đốc*

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai, chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao và đã hoàn thành xuất sắc, vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 ;
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
- Nghiêm túc thực hiện các kiến nghị tại biên bản của Kiểm toán nhà nước, thanh tra Bộ xây dựng về các dự án đầu tư xây dựng 2017 và thanh tra Tổng cục thuế thời kỳ 2016.
- Ban Tổng giám đốc đã tăng cường công tác quản lý, đánh giá phân loại và có các biện pháp thu hồi, xử lý với các khoản nợ, hạn chế bị chiếm dụng vốn ảnh hưởng đến công tác cân đối vốn, dòng tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác xử lý vật tư hỏng, không còn giá trị sử dụng, vật tư chậm luân chuyển còn chậm.
- Ban Tổng giám đốc đã tiếp tục rà soát thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ phê duyệt;
- Ban Tổng giám đốc đã làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị;
- Công tác tuyển dụng tại PV GAS thực hiện đúng quy trình, quy chế về tuyển dụng, đúng nhu cầu cần thiết cho công việc. Công tác nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn lực có nhiều chuyển biến tích cực và được quán triệt đến từng công ty trực thuộc, thành viên, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
- Tiền lương và chế độ chính sách: PV GAS thực hiện nâng/điều chỉnh lương kịp thời cho CBCNV khi đến thời hạn, thực hiện chi trả lương đúng quy định, quy chế hiện hành.

III. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017

Giữa BKS và HĐQT, Ban Tổng Giám đốc PV GAS luôn có sự phối hợp chặt chẽ. BKS đã nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp thông tin, tài liệu, cử cán bộ làm việc với BKS khi có yêu cầu. Các báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát của BKS đều được gửi tới HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

IV. Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017:

- Tổng công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo nghị quyết số 49 /NQ-ĐHĐCĐ. TCT đã chi tiếp cổ tức của 2016 là 17 % tạm ứng cổ tức năm 2017 là 20 %.
- Tổng công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt nam kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017. Báo cáo kiểm toán đúng tiến độ, kịp thời cung cấp thông tin cho cổ đông. Báo cáo kiểm toán đã phản ánh trung thực tình hình tài chính của Tổng công ty năm 2017.
- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện đúng như nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua.
- Việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính: Các chỉ tiêu tài chính theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2017 đã được Tổng công ty thực hiện nghiêm túc , Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 9.937 tỷ đồng vượt 87% kế hoạch đề ra.

V. Phương hướng hoạt động trong năm 2018 của Ban Kiểm soát

Để thực hiện nghiêm túc công tác kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PV GAS, BKS xây dựng kế hoạch làm việc năm 2018 như sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy BKS làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của BKS.
- Cử các thành viên trong BKS tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát.
- Thực hiện các hoạt động thường xuyên như:
 - + Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ PV GAS, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT PV GAS;
 - + Kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PV GAS;
 - + Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của PV GAS, đồng thời rà soát để góp ý chỉnh sửa các văn bản nội bộ của đơn vị phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước, PVN, Điều lệ PV GAS và thực tiễn hoạt động tại đơn vị;
 - + Thực hiện giám sát tình hình thực hiện xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước;

- + Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm của PV GAS và các đơn vị trong PV GAS;
- + Kiểm tra, giám sát kết quả triển khai thực hiện thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tiết giảm chi phí (thực hiện cuối năm);
- + Kiểm tra, giám sát việc thực hiện tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- + Tăng cường giám sát việc quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác và Người đại diện của đơn vị tại doanh nghiệp khác;
- + Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của PV GAS;
- + Lập và gửi báo cáo kiểm tra giám sát hàng quý, năm cho cổ đông lớn (PVN) đúng thời hạn;
- + Phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên BKS tại các đơn vị, với Ban kiểm soát nội bộ TCT để cùng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát;
- + Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận làm công tác kiểm toán, kiểm soát tại PVN để có được sự thống nhất, hỗ trợ tốt trong công việc kiểm tra, giám sát.

VI. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2018:

Qua hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của Công ty TNHH Deloitte Việt nam đã được kiểm chứng bằng việc đã thực hiện công việc kiểm toán tại Tổng công ty trong nhiều năm qua, Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính PVGAS năm 2018.



M



Số: 127/BB-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Hôm nay, vào lúc 8h00 ngày 27/4/2018, tại hội trường tầng 2, Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 của Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV GAS) được tiến hành.

I. Nội dung và chương trình nghị sự

Đại hội nghe, thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
2. Dự thảo Quy chế quản trị Công ty.
3. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018.
5. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017, phương hướng hoạt động năm 2018.
6. Báo cáo Đầu tư Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn giai đoạn 2.
7. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2017, phương hướng hoạt động năm 2018. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2018.
8. Báo cáo thực hiện tiền lương và thu nhập năm 2017 và kế hoạch tiền lương và thu nhập năm 2018 của HĐQT, BKS.
9. Bầu cử Thành viên độc lập HĐQT.

II. Thành phần tham dự cuộc họp

- Về khách mời: có các đồng chí lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, các Báo, Đài.
- Về các cổ đông: có 110 cổ đông và người đại diện cổ đông, nắm giữ 1.866.692.910 cổ phần, tương ứng 97,53% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của PV GAS. Danh sách cổ đông, đại diện cổ đông dự họp như phụ lục đính kèm.

III. Diễn biến cuộc họp

1. Bà Chu Thị Trung – Trưởng Ban HTQT PV GAS thay mặt cho Ban thẩm tra tư cách cổ đông đã báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông (vào lúc 8h20, có số lượng cổ đông hoặc đại diện cổ đông hợp lệ nắm giữ 1.833.355.620 cổ phần, tương ứng 95,8% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết) và tuyên bố đủ điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

2. Ông Huỳnh Đỗ Thanh Khiết thay mặt Ban tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ đọc Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua danh sách Đoàn chủ tịch và Ban kiểm phiếu, bao gồm:

Đoàn chủ tịch: số lượng 03 người

- Ông Lê Như Linh - Chủ tịch HĐQT PV GAS.
 Ông Dương Mạnh Sơn - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PV GAS.
 Ông Phan Quốc Nghĩa - Thành viên HĐQT PV GAS.

Ban kiểm phiếu: số lượng 03 người

- Ông Nguyễn Công Luận - Trưởng Ban TC PV GAS - Trưởng ban;
 Bà Nguyễn Thị Hồng Hải - Trưởng Ban TM&QLĐT PV GAS - Thành viên;
 Ông Lại Thị Hồng Nam - Phó phòng Ban PTNL PV GAS - Thành viên.

ĐHĐCĐ đã thông qua danh sách Đoàn chủ tịch và Ban kiểm phiếu nêu trên với kết quả biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số phiếu	1.833.355.620	1.833.355.620	0	0
Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0

Đoàn Chủ tịch đã cử **Tổ thư ký** gồm 02 người:

- Ông Vũ Đình Tôn - Thư ký PV GAS;
 Bà Trần Thu Hương - Chuyên viên Ban Kế hoạch PV GAS.

Đoàn Chủ tịch và Tổ thư ký lên bàn làm việc và Đoàn Chủ tịch bắt đầu tiến hành điều khiển cuộc họp.

Ông Phan Quốc Nghĩa – Thành viên HĐQT PV GAS trình bày Chương trình nghị sự và Quy chế làm việc tại cuộc ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

ĐHĐCĐ đã thông qua Chương trình nghị sự và Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 với kết quả như sau:

Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số phiếu	1.833.355.620	1.833.355.620	0	0
Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0

3. Ông Trần Đức Sơn – Trưởng Ban PTNL PV GAS trình bày Báo cáo sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Dự thảo Quy chế quản trị Công ty của PV GAS.
 4. Ông Mai Hữu Ngạn – Trưởng BKS PV GAS trình bày Báo cáo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS PV GAS.
 5. Ông Dương Mạnh Sơn – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PV GAS trình bày Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, kế hoạch sản xuất kinh

doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018; và nội dung đề nghị ủy quyền cho HĐQT tự cân đối và quyết định:

- Điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi giá dầu để tính toán kế hoạch năm 2018 hoặc theo giá dầu thực tế hoặc khi có sự thay đổi liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng;
 - Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2017 nhưng tối đa không quá 2.351 tỷ đồng.
6. Ông Phan Quốc Nghĩa – Thành viên HĐQT PV GAS trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017, phương hướng hoạt động năm 2018 và Báo cáo Đầu tư dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn giai đoạn 2.
 7. Ông Mai Hữu Ngạn – Trưởng BKS PV GAS trình bày Báo cáo hoạt động của BKS năm 2017, phương hướng hoạt động năm 2018. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2018 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
 8. Ông Trần Xuân Thành – Phó Ban PTNL PV GAS trình bày Báo cáo thực hiện tiền lương và thu nhập năm 2017; kế hoạch tiền lương và thu nhập năm 2018 của HĐQT, BKS.
 9. Ông Trần Đức Sơn – Trưởng Ban PTNL PV GAS trình bày Tờ trình bầu thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
 10. Ông Nguyễn Công Luận – Trưởng Ban kiểm phiếu trình bày Tờ trình thông qua Quy chế bầu cử Thành viên độc lập HĐQT và điều hành công tác Bầu cử Thành viên độc lập HĐQT PV GAS.
 11. Tóm tắt các ý kiến thảo luận chính của phiên thảo luận tại Đại hội

Sau khi nghe các báo cáo/tờ trình, tại phiên thảo luận, cuộc họp đã nhận được 1 số ý kiến của các cổ đông. Phần lớn các ý kiến xoay quanh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 (cơ sở xây dựng kế hoạch,...), dự án đầu tư xây dựng (Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 2, Sư Tử Trắng, Lô B-ÔMôn, nhập khẩu khí,...), tình hình thoái vốn của PVN tại PV GAS, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Q1/2018, tình hình kinh doanh LPG trong những năm gần đây,...

Trên cơ sở các ý kiến của cổ đông, Đoàn chủ tịch đã trả lời cụ thể từng câu hỏi của cổ đông.

Kết thúc phiên thảo luận, sau khi không còn ý kiến nào của cổ đông (các câu hỏi được trả lời thỏa đáng), Ông Dương Mạnh Sơn thay mặt Đoàn chủ tịch đã cảm ơn ĐHĐCĐ.

12. Kết quả biểu quyết thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ

- 12.1 Thông qua Báo cáo sửa đổi Điều lệ PV GAS với kết quả biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số phiếu	1.866.692.910	1.862.358.570	0	4.334.340
Đạt tỷ lệ %	100	99,77	0	0,23

- 12.2 Thông qua Dự thảo Quy chế quản trị Công ty của PV GAS với kết quả biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó		
		Tán thành	Không tán	Không có ý

			thành	kiến
Số phiếu	1.866.692.910	1.862.358.570	0	4.334.340
Đạt tỷ lệ %	100	99,77	0	0,23

12.3 Thông qua Báo cáo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS PV GAS với kết quả biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số phiếu	1.866.692.910	1.855.416.010	11.175.580	101.320
Đạt tỷ lệ %	100	99,39	0,60	0,0054

12.4 Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018 với các chỉ tiêu chính như nêu dưới đây và nội dung đề nghị ủy quyền cho HĐQT tự cân đối và quyết định:

- Điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi giá dầu để tính toán kế hoạch năm 2018 hoặc theo giá dầu thực tế hoặc khi có sự thay đổi liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng;
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2017 nhưng tối đa không quá 2.351 tỷ đồng.

a. Thực hiện năm 2017

- Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/ Kế hoạch
1	Khí ẩm	Tr.m3	9.666	9.840	102%
2	Khí tiêu thụ	Tr.m3	9.274	9.607	104%
3	Condensate tiêu thụ	Nghìn tấn	56	78	141%
4	LPG tiêu thụ (Công ty mẹ)	Nghìn tấn	1.050	1.344	128%
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	51.479	65.957	128%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6.297	12.588	200%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5.257	9.937	189%
8	Tỷ suất LNST/VĐL	%	27	52	-
9	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	2.231	5.459	245%
10	Vốn giải ngân ĐTXD (Công ty mẹ)	Tỷ đồng	3.782	2.171	57%
11	Tổng tài sản	Tỷ đồng	-	61.889	-
12	Tỷ lệ chia cổ tức	%	30		

- Phương án phân phối lợi nhuận:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện
1	Số dư Lợi nhuận chưa phân phối chuyển qua	2.093	2.093
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	5.152	9.670
3	Trích các quỹ	454	2.589
-	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	254	2.351(*)
-	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban QLDH</i>	200	238
4	Chia cổ tức năm 2017 cho cổ đông	5.740	7.656
		(30% VDL)	(40% VDL)
5	Lợi nhuận còn lại chuyển qua 2018	1.051	1.518

(*) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tự cân đối và quyết định trích quỹ đầu tư phát triển năm 2017 nhưng tối đa không quá 2.351 tỷ đồng.

b. Kế hoạch năm 2018

- Chỉ tiêu chính:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018
I	Sản lượng		
1	Khí âm đưa vào bờ	Tr.M3	9.706
-	Cửu Long	Tr.M3	1.400
-	Nam Côn Sơn	Tr.M3	6.250
-	PM3 – Cà Mau	Tr.M3	1.936
-	Hàm Rồng – Thái Bình	Tr.M3	120
2	Khí sản xuất và tiêu thụ		
-	Khí khô	Tr.M3	9.259
-	Condensate	Tấn	63
-	LPG Công ty mẹ	Tấn	1.125
II	Tài chính		
1	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	55.726
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	52.473
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	8.036
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	7.898
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	6.429
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	6.318
4	Tỷ suất LNST/VDL	%	33
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	40

6	Vốn điều lệ	Tỷ Đ	19.139
7	Nộp ngân sách	Tỷ Đ	2.927
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	2.853
III	Đầu tư xây dựng		
1	Tổng số dự án	DA	55
2	Tổng nhu cầu vốn giải ngân	Tỷ Đ	3.936
	Trong đó Công ty mẹ		3.281
IV	Lao động cuối kỳ	Người	3.938
-	Trong đó Công ty mẹ	Người	1.380
V	Đào tạo	Tỷ Đ	40
VI	Nghiên cứu khoa học	Tỷ Đ	10

Ghi chú: chỉ tiêu tài chính được lập theo giá dầu kế hoạch 50USD/thùng, tỷ giá 1USD=23.000VNĐ; sản lượng khí Thái Bình tạm đưa vào kế hoạch 120 triệu m³, sẽ điều chỉnh linh hoạt phù hợp diễn biến của giá dầu và tình hình thực tế.

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018 (công ty mẹ)
1	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển qua	1.518
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	6.318
3	Trích các quỹ	180
-	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi, BĐH</i>	180
4	Chia cổ tức năm 2018 (40% VDL)	7.656
5	Tổng lợi nhuận chưa phân phối chuyển qua 2019	0

DHĐCĐ đã thông qua với kết quả biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số phiếu	1.866.692.910	1.866.692.910	0	0
Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0

- 12.5 Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017, phương hướng hoạt động năm 2018 với kết quả biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số phiếu	1.866.692.910	1.866.692.910	0	0
Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0

12.6 Thông qua Báo cáo Đầu tư dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn giai đoạn 2 với kết quả biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số phiếu	1.866.692.910	1.855.793.110	10.899.800	0
Đạt tỷ lệ %	100	99,41	0,59	0

12.7 Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2017, phương hướng hoạt động năm 2018. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2018 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với kết quả biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số phiếu	1.866.692.910	1.866.692.910	0	0
Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0

12.8 Thông qua Báo cáo thực hiện tiền lương và thu nhập năm 2017 và kế hoạch tiền lương và thu nhập năm 2018 của HĐQT, BKS như sau:

- Tiền lương, thu nhập dự kiến thực hiện năm 2017 của HĐQT và BKS (trước thuế): 9.334.330.054 đồng.
- Kế hoạch năm 2018: Thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước (Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước) và quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

DHĐCĐ thông qua với kết quả biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số phiếu	1.866.692.910	1.859.830.450	6.862.460	0
Đạt tỷ lệ %	100	99,63	0,37	0

12.9 Thông qua Quy chế bầu cử Thành viên độc lập HĐQT và danh sách Thành viên độc lập HĐQT PV GAS như sau:

- Ông Nguyễn Anh Tuấn: sinh ngày 07/5/1974, trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Kỹ sư chuyên ngành Vi khí hậu và Môi trường Xây dựng.
- Ông Đỗ Đông Nguyên: sinh ngày 24/3/1975, trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Hóa dầu, Kỹ sư công nghệ hóa.

DHĐCĐ thông qua Quy chế bầu cử Thành viên độc lập HĐQT với kết quả biểu quyết như sau:

Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số phiếu	1.866.692.910	1.855.793.110	10.899.800	0
Đạt tỷ lệ %	100	99,41	0,59	0

ĐHĐCĐ thông qua danh sách Thành viên độc lập HĐQT PV GAS với kết quả biểu quyết như sau:

Stt	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %/Tổng số phiếu bầu
1	Đỗ Đông Nguyên	1.849.529.270	99,27
2	Nguyễn Anh Tuấn	1.839.108.960	98,71

13. Ông Vũ Đình Tôn – thay mặt Tổ thư ký đọc Biên bản cuộc họp.
Biên bản cuộc họp này gồm 08 trang đã được đọc lại trước cuộc họp cho tất cả các cổ đông thông qua trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

ĐHĐCĐ đã thông qua biên bản cuộc họp với kết quả như sau:

Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số phiếu	1.866.692.910	1.866.692.910	0	0
Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0

14. Cuộc họp ĐHĐCĐ bế mạc vào lúc 11h30 ngày 27/04/2018.

Biên bản họp ĐHĐCĐ được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý ngang nhau và có đính kèm Danh sách cổ đông tham dự họp.

ĐOÀN CHỦ TỊCH



Lê Như Linh

Dương Mạnh Sơn

Phan Quốc Nghĩa

THƯ KÝ

Vũ Đình Tôn

Trần Thu Hương